

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



BẢN ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGOẠI KHOA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

THÁI BÌNH, NĂM 2021

Số: 1294 /QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo/chương trình dạy học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi chương trình đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 25/6/2021.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo/chương trình dạy học trình độ đại học, sau đại học (Có chương trình kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.



PGS.TS Nguyễn Duy Cường

MỤC LỤC

Tên học phần: Triết học	1
Tên học phần: Tiếng Anh.....	11
Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học	22
Tên học phần: Phương pháp giảng dạy.....	30
Tên học phần: Tin học Y học	37
Tên học phần: Ung thư - Giải phẫu bệnh.....	44
Tên học phần: Phẫu thuật thực hành	49
Tên học phần: Gây mê hồi sức.....	55
Tên học phần: Sản phụ khoa	61
Tên học phần: Dược lâm sàng.....	68
Tên học phần: Sinh lý bệnh.....	74
Tên học phần: Huyết học và truyền máu	79
Tên học phần: Giải phẫu học	85
Tên học phần: Chẩn đoán hình ảnh.....	89
Tên học phần: Phục hồi chức năng	94
Tên học phần: Cấp cứu Ngoại khoa tổng quát và Ngoại khoa cơ bản.....	99
Tên học phần: Ngoại Chấn thương chỉnh hình	106
Tên học phần: Ngoại Tiết niệu.....	114
Tên học phần: Ngoại Tiêu hoá – Gan mật	121
Tên học phần: Ngoại Thần kinh sọ não	128
Tên học phần: Ngoại Nhi	134
Tên học phần: Ngoại Bỏng	140
Tên học phần: Ngoại Tim mạch – Lồng ngực	146

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Triết học**

Mã học phần: THSNGO001

Số tín chỉ: 03 (3/0)= 45 tiết lý thuyết

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị

Thông tin giảng viên: TS. Hà Kim Hoàn; ĐT: 0919993285

Email:

Cán bộ giảng dạy:

1. TS. Hà Kim Hoàn
2. Ths. Lê Lan Anh
3. Ths. Nguyễn Thị Ngọc Diệp

II. Mô tả học phần:

Triết học là môn khoa học trang bị cho mỗi học viên thể giới quan và phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học viên cần vận dụng những nguyên lý cơ bản của triết học Mác – Lê nin để nghiên cứu và vận dụng trong hoạt động chuyên môn của mình. Môn học gồm 8 chương:

Chương 1: Khái luận về triết học

Chương 2: Bản thể luận

Chương 3: Phép biện chứng

Chương 4: Nhận thức luận

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

Chương 6: Triết học chính trị

Chương 7: Ý thức xã hội

Chương 8: Triết học về con người

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra môn học

1. Mục tiêu: Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

1. Hiểu được tính lịch sử và logic của tư duy nhân loại nói chung và tư duy triết học nói riêng, đặc biệt là tính khoa học và tính cách mạng của triết học Mác – Lê nin.

2. Phát triển sâu thêm những kiến thức đã có ở trình độ đại học về nội dung cơ bản trong lịch sử triết học và triết học Mác – Lê nin.

3. Trang bị cho mình một thế giới quan và phương pháp luận khoa học để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn xã hội đặt ra cũng như trong hoạt động chuyên môn của bản thân.

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Hiểu được tính lịch sử và logic của tư duy nhân loại nói chung và tư duy triết học nói riêng, đặc biệt là tính khoa học và tính cách mạng của triết học Mác – Lê nin.	PLO1
Kỹ năng		
CLO2	Phát triển sâu thêm những kiến thức đã có ở trình độ đại học về nội dung cơ bản trong lịch sử triết học và triết học Mác – Lê nin.	PLO6, 7, 8, 9, 11, 12
CLO3	Trang bị cho mình một thế giới quan và phương pháp luận khoa học để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn xã hội đặt ra cũng như trong hoạt động chuyên môn của bản thân.	PLO6, 7, 8, 9, 11, 12
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO4	Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong nghiên cứu khoa học	PLO13
CLO5	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PLO14
CLO6	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO15

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOS

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT									
		PLO 1	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO 001	Triết học	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L

IV. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Chương	Nội dung	Số tiết
		LT
1	Khái luận về triết học	4
2	Bản thể luận	4
3	Phép biện chứng	8
4	Nhận thức luận	4
5	Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội	8
6	Triết học chính trị	8
7	Ý thức xã hội	4
8	Triết học con người	5
	Tổng	45

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Khái luận về triết học (4 tiết)

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

- Triết học và đối tượng của triết học
- Vấn đề cơ bản của triết học
- Chức năng cơ bản của triết học

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

b. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông

c. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây

d. Khái lược về sự ra đời và phát triển của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

a. Triết học Mác – Lênin

b. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt nam

a. Hồ Chí Minh với việc kế thừa, vận dụng và phát triển triết học Mác – Lênin

b. Sự vận dụng sáng tạo tư tưởng triết học Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng

Chương 2: Bản thể luận (4 tiết)

1. Khái niệm “ bản thể luận” và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học

a. Khái niệm “bản thể luận”

b. Một số nội dung cơ bản về bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông

c. Một số nội dung cơ bản về bản thể luận trong lịch sử triết học phương Tây

2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác – Lênin

a. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin

b. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

c. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức

3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan

a. Khái niệm “khách quan” và “chủ quan”

b. Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan

c. Ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam

Chương 3 : Phép biện chứng (8 tiết)

1. Khái niệm “biện chứng” và khái quát lịch sử phép biện chứng
 - a. Khái niệm “siêu hình” và khái niệm “biện chứng”
 - b. Khái quát lịch sử phép biện chứng
2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật
 - a. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật
 - b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
 - c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật
3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam
 - a. Nội dung của các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật
 - b. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

Chương 4: Nhận thức luận (4 tiết)

1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận
 - a. Mục đích, bản chất và nguồn gốc của nhận thức
 - b. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức
 - c. Về khả năng nhận thức của con người
 - d. Sự thống nhất và đa dạng các kiểu tri thức
2. Nhận thức luận duy vật biện chứng
 - a. Phản ánh hiện thực khách quan – nguyên tắc nền tảng của nhận thức duy vật biện chứng
 - b. Các giai đoạn cơ bản và biện chứng của quá trình nhận thức
 - c. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý
3. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và sự vận dụng nó trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay
 - a. Nội dung của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn
 - b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lý luận và thực tiễn
 - c. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (8 tiết)

1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội
 - a. Phương pháp tiếp cận duy tâm về xã hội
 - b. Phương pháp tiếp cận duy vật về xã hội
2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
 - a. Sản xuất vật chất – nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội
 - b. Biện chứng của sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất – quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển các phương thức sản xuất trong lịch sử
 - c. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng – quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển trong cơ cấu tổng thể của đời sống xã hội
 - d. Cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội
3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam
 - a. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
 - b. Lí luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về con đường đi lên CNXH
 - c. Con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Chương 6: Triết học chính trị (8 tiết)

1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học
 - a. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị
 - b. Quan niệm về chính trị trong triết học Mác – Lê nin
 - c. Quan niệm đương đại về hệ thống chính
2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội
 - a. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
 - b. Dân tộc và vấn đề quan hệ giữa giai cấp với dân tộc và nhân loại
 - c. Nhà nước – tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị
3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay
 - a. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay
 - b. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay
 - c. Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

Chương 7: Ý thức xã hội (4 tiết)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội
 - a. Khái niệm “tồn tại xã hội” và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội
 - b. Ý thức xã hội và hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội
 - c. Các hình thái ý thức xã hội
2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội
 - a. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
 - b. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội
3. Xây dựng nền tảng tinh thần trong tiến trình cách mạng XHCN ở Việt Nam hiện nay
 - a. Công cuộc xây dựng CNXH và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội XHCN ở Việt Nam hiện nay
 - b. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn mang ý nghĩa chiến lược trong tiến trình xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

Chương 8: Triết học về con người (5 tiết)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử
 - a. Quan điểm triết học phương Đông về con người
 - b. Quan điểm triết học phương Tây trước Mác về con người
 - c. Quan điểm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mácxít đương đại
2. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người
 - a. Khái niệm con người
 - b. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người
3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh
 - a. Quan niệm về con người
 - b. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng và tiến bộ xã hội
 - c. Phương thức phát huy, sử dụng vai trò động lực con người
4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay
 - a. Quan niệm triết học về nhân tố con người
 - b. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

V. Tài liệu học tập:

1. *Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ). Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật. Hà Nội.*
2. Bài giảng triết học sau đại học Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

VI. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Triết học* (dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học: tập 1, tập 2, tập 3) Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), *Giáo trình triết học Mác – Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T1 (Gia đình thần thánh)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. C Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, T4 (Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. C Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, T 20 (Chống Duyrinh, Biện chứng của tự nhiên)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, T5,6,8,9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập, T18, 29,39,42*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

VII. Phương pháp dạy học và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình trên lớp,
- Hỏi - đáp trực tiếp,
- Thảo luận nhóm,
- Giao bài đọc về nhà,
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thảo luận nhóm
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, CL các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

VIII. Phương pháp đánh giá học phần:

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)
- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết
 - Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
 - Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
 - Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
 - Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Tiếng Anh**

Mã học phần: THSNGO002

Số tín chỉ: 08 (4/4) = 60 tiết lý thuyết và 120 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Có

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại ngữ

Thông tin giảng viên: ThS. Đặng Thị Nhuần; ĐT: 0978973559

Email:

1. GVC. Ths Đặng Thị Nhuần
2. GVC. TS. Trần Thị Loan
3. GVC. Ths Nguyễn Thị Hoa
4. GVC. Ths Phạm Thị Thanh Huyền

II. Mô tả môn học

Tiếng Anh là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo sau đại học, nhằm trang bị cho người học những kỹ năng về ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, dịch, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành, đáp ứng với khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo sau này của học viên.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu:

Trình độ nói:

- Học viên có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin.
- Học viên có thể tập hợp những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.
- Học viên có thể đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường.

Trình độ nghe:

- Học viên có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình về các chủ đề hàng ngày liên quan đến bản thân.
- Học viên có thể hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

Trình độ đọc

- Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn), hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao. Ngôn ngữ của bài đọc chủ yếu là sát với thực tế, với một số từ trừu tượng, chứa đựng các khái niệm chuyên môn và có thể đòi hỏi kỹ năng suy luận ở mức độ thấp để hiểu (ví dụ học viên có thể đoán một vài từ mới bằng cách nhận ra tiền tố và hậu tố.)

Trình độ viết

- Học viên có thể viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn.
- Học viên có thể điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm.
- Học viên có thể ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày.
- Học viên có thể ghi chép thông tin từ bảng biểu dưới dạng một đoạn văn ngắn.
- Học viên có thể thể hiện được khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một bài văn xuôi đơn giản (ba đến năm đoạn), hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao.	PLO3
Kỹ năng		
CLO2	Học viên có thể nghe, nói, đọc, hiểu	PLO8, PLO10,

		PLO11, PLO12, PLO13
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PLO20
CLO4	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO20

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT		
		PLO2	PLO10	PLO20
THSNGO002	Tiếng Anh	M	M	L

IV. Nội dung môn học

Nội dung học phần I

Tuần		Nội dung chính	Số tiết
1	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Basic phonetics (Situational conversation practice)	4
2	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Basic phonetics (Situational conversation practice)	4
3	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Sentence word order (Situational conversation practice) - Word order in simple sentence - Word order in complex sentence	4
4	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Everyday conversations and activities (Situational conversation practice) - Greetings and Goodbyes	4

		- Special greetings Let's talk 3 - First impressions	
5	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Everyday conversations and activities (Situational conversation practice) - Saying goodbye - Saying thank you Let's talk 3 - Working together	4
6	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - Asking people to repeat - Asking favors Let's talk 3 - Announcements and signs	4
7	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - Giving complements - Apologizing Let's talk 3 - Feeling and gestures	4
8	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	General conversations (Situational conversation practice) - Complaining - The weather Let's talk 3 - Crime and punishment	4
9	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - Free time - Planning an evening out Let's talk 3 - Solving crime	4
10	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - Buying theatre tickets - Watching television (Let's talk 3)	4

		– That’s strange!	
11	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - Sports - Asking about health Let’s talk 3 – It’s hard to believe, but...	4
12	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	General conversations (Situational conversation practice) - At the doctor’s office - At the dentist’s office Let’s talk 3 – Review puzzles	4
13	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	General conversations (Situational conversation practice) - At a drug store Topics for speaking skill with suggested questions(Situational conversation practice) - Family Education (Let’s talk 3) – Famous people	4
14	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Topics for speaking skill with suggested questions(Situational conversation practice) - Daily routine - Hobbies Let’s talk 3 – Brain power	4
15	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Topics for speaking skill with suggested questions(Situational conversation practice) - Going out - Shopping Let’s talk 3 - Happy days	4
16	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Topics for speaking skill with suggested questions(Situational conversation practice) - Sports	4

		- Television Let's talk 3 - Can money buy happiness?	
17	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Topics for speaking skill with suggested questions (Situational conversation practice) - Internet - Travel Let's talk 3 - People and languages	4
18	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Topics for speaking skill with suggested questions (Situational conversation practice) - Studies - Work Let's talk 3 - When in Rome...	4
19	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Topics for speaking skill with suggested questions (Situational conversation practice) - Hometown - Weather Let's talk 3 - Can you explain it?	4
20	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Compositions with guided plans (Situational conversation practice) - Smoking Let's talk 3 - Users- friendly - Review puzzles	4
21	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Compositions with guided plans (Situational conversation practice) - Topic (1-5) Let's talk 3 - Staying healthy - Copying with stress	4
22	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Compositions with guided plans (Situational conversation practice) - Topic (6-10) Let's talk 3	4

		- What awful weather - The ring of fire	
23	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Compositions with guided plans (Situational conversation practice) - Topic (11-14) Let's talk 3 - Today's news - People and the news	4
24	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	The most important communicative function of English (Situational conversation practice) - Information, opinions and ideas Let's talk 3 - Friendship - Looking for love	4
25	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	The most important communicative function of English (Situational conversation practice) - Telling and asking people to do things Let's talk 3 - Review puzzles	4
26	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	The most important communicative function of English (Situational conversation practice) - Decisions and Intentions - Feelings Let's talk 3 - Please be careful	4
27	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	The most important communicative function of English (Situational conversation practice) - Offers and invitations Let's talk 3 - Exciting- or dangerous?	4
28	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	The most important communicative function of English (Situational conversation practice) - Right and wrong Let's talk 3 - How to be popular	4

		- Managing your life	
29	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Situational conversation practice - Modal verb 1 Let's talk 3 - Travelers or tourists? - Fantastic journeys	4
30	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Situational conversation practice - Modal verb 2 The real world - Using the phone - The ideal job	4
		Tổng	120

Học phần II

Tuần	Hình thức dạy	Bài học	Nội dung chính	Thời lượng
1	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 1	The medical profession	4
2	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 2	Industrial medicine	4
3	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Unit 3	Drugs	4
4	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 4	Natural medicine	4
5	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 5	Transplant: new body parts	4
6	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 6	Vitamins	4
7	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 7	Malnutrition	4
8	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 8	Food safety	4

9	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 9	Dealing with food poisoning	4
10	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 10	Viral hemorrhagic fevers	4
11	Dạy lý thuyết, kết hợp hoạt động cặp/nhóm	Unit 11	Zika virus	4
12	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Unit 12	Sars	4
13	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập và hoạt động cặp/nhóm	Unit 13	Heart trouble	4
14	Dạy lý thuyết, kết hợp chữa bài tập	Unit 14	Diabetes	4
15	Dạy lý thuyết, kết hợp hoạt động cặp/nhóm	Unit 15	HIV/AIDS	4
Tổng				60

Đề cương môn học

1. Kỹ năng nghe nói:

(số tiết học: 120)

1.1. Thực hành kỹ năng nghe: Hội thoại trực tiếp, nghe băng, đĩa.)

1.2. Thực hành kỹ năng nói: Hội thoại trực tiếp giữa giáo viên và học viên, giữa học viên và học viên.

2. Kỹ năng đọc và viết:

(số tiết học: 60)

2.1. Đọc và dịch tài liệu

2.2. Những cấu trúc cơ bản

2.3. Thực hành kỹ năng viết.

V. Tài liệu học tập:

*** Tài liệu HP1:**

Giáo trình chính

1. Bùi Nam Phong, Nguyễn Thị Tuyết (2013), *English for situational conversation practice. Lưu hành nội bộ*
2. Leo J. (2009). *Let's talk 3*. Nhà xuất bản Lao động

Tài liệu tham khảo

1. Murphy R. (2014), *English grammar in Use*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
2. Mann M. & Taylor-Knowles S. (2007), *Destination B1 Grammar and Vocabulary*, Macmillan Publishers Limited.
3. Mann M. & Taylor-Knowles S. (2007), *Destination B2 Grammar and Vocabulary*, Macmillan Publishers Limited.
4. Falla T. and Davies P.A. (2006), *Solutions Pre-intermediate Student's Book*, Oxford University Press.
5. Falla T. & Davies P.A. (2006), *Solutions Pre-intermediate Workbook*, Oxford University Press.

*** Tài liệu HP2:**

Giáo trình chính

Bùi Nam Phong, Nguyễn Thị Tuyết (2017), *English in medicine. Lưu hành nội bộ*.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hoa, Đặng Thị Nhuận (2014), *Bài tập Tiếng Anh chuyên ngành y*. Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Charbner D. & E- E. (2014), *The language of medicine, the 10 edition*. Imprint of Elsevier Inc.
3. Kathrun A. Booth, Terri D. & Sharion K. (2009), *Medical assisting*. The McGraw-Hill Companies, Inc.
4. Sam Mc. (2013), *Oxford English for Careers: Medicine*. Oxford University Press.
5. Virginia E., Jenny D. & Trang Tr. (2011), *Careers Path: Medical*. Express Publishing

VI. Phương pháp dạy học:

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.
- Thực hành tại phòng ngữ âm

VII. Phương pháp đánh giá môn học:

Đánh giá cuối học phần 1

Hình thức thi: Nghe, nói

Cấu trúc bài thi nghe: gồm 3 phần

+ Phần 1: 5 câu - Nghe hội thoại và chọn đáp án đúng theo tranh

+ Phần 2: 5 câu - Nghe hội thoại dài để chọn Đúng/Sai

+ Phần 3: 10 câu - Nghe một đoạn độc thoại để điền vào chỗ trống mang thông tin quan trọng

Thi vấn đáp: bốc thăm theo chủ đề kết hợp đàm thoại tương tác.

Chủ đề vấn đáp: gia đình, bạn bè, công việc, phim ảnh, truyền hình, mạng xã hội, việc tình nguyện, thành phố, quê hương, trải nghiệm...

Đánh giá cuối học phần 2

Hình thức thi: Viết (Đọc, Viết)

Cấu trúc bài thi viết: gồm 6 phần

Từ vựng: 10 câu

Đọc hiểu: 10 câu

Điền từ vào chỗ trống: 10 câu

Dịch: 10 câu

Dựng câu: 10 câu

Sắp xếp lại trật tự từ: 10 câu

Điểm hết môn được tính trên tổng 4 điểm thành phần dưới đây:

+ Điểm chuyên cần: 10% tổng điểm (đánh giá dựa trên chuyên cần, ý thức học tập và chuẩn bị bài tập được giao)

+ Điểm kiểm tra học phần 1: Nghe (30%); Nói (30%)

+ Điểm kiểm tra học phần 2: Viết (30%)

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,3*Nghe + 0,3*Nói + 0,3*Viết$$

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã học phần: THSNGO1801

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Có

Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng

Thông tin giảng viên: PGS.TS. Vũ Phong Túc; ĐT: 0978626648

Email: tucvp@tbump.edu.vn

Danh sách giảng viên giảng dạy :

1. PGS.TS Vũ Phong Túc
2. PGS.TS Ninh Thị Nhung
3. PGS.TS Ngô Thị Nhu

II. Mô tả học phần

Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu:

1. Lập được một đề cương nghiên cứu
2. Chọn mẫu, tính toán cỡ mẫu, thu thập thông tin, thiết kế xử lý số liệu

3. Viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học
4. Xác định một đề tài nghiên cứu về Ngoại khoa
5. Lựa chọn được thiết kế nghiên cứu

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được các thành phần của một đề tài nghiên cứu khoa học	PLO6, PLO11
CLO2	Phân tích được một đề cương nghiên cứu khoa học	PLO6, PLO11
Kỹ năng		
CLO3	Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học sinh viên NCKH về Ngoại khoa	PLO6, PLO8, PLO9
CLO4	Xây dựng được một bản đề cương	PLO6, PLO8, PLO11, PLO13
CLO5	Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế quốc gia và địa phương	PLO6, PLO8, PLO11, PLO13
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO6	Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong nghiên cứu khoa học	PLO13
CLO7	Trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PLO14
CLO8	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã	Tên	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT
----	-----	--

HP	HP	PLO 6	PLO 8	PLO 9	PLO 11	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO1801	PP NCKH	H	H	M	H	H	M	M

IV. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Nội dung	Số tiết (Chuẩn)		
		TS	LT	TH/Tự học
1	Đại cương môn học, lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết cho nghiên cứu	3	1	2
2	Xây dựng đề cương chi tiết cho nghiên cứu	3	1	2
3	Các bước triển khai một đề tài nghiên cứu trên thực địa	3	1	2
4	Biến số và phương pháp thu thập thông tin	6	2	4
5	Chọn mẫu và cỡ mẫu cho nghiên cứu	6	2	4
6	Các thiết kế nghiên cứu khoa học y học	6	2	4
7	Lập kế hoạch nghiên cứu và xử lý số liệu	6	2	4
8	Phân tích phiên giải kết quả	3	1	2
9	Trình bày kết quả nghiên cứu	3	1	2
10	Cách viết một báo cáo tổng kết đề tài, viết bài báo khoa học.	6	2	4
		45	15	30

2. Nội dung chi tiết phần lý thuyết

Bài 1: Đại cương môn học, lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết NC

1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học
2. Nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học
3. Các điều kiện cần thiết khi tiến hành nghiên cứu khoa học
4. Tra cứu tài liệu phục vụ cho chủ đề nghiên cứu
5. Phân tích chủ đề nghiên cứu
6. Phương pháp lựa chọn chủ đề cho nghiên cứu
7. Xây dựng giả thuyết cho nghiên cứu
8. Cách viết tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu

Bài 2: Xây dựng đề cương chi tiết cho nghiên cứu

1. Tầm quan trọng của đề cương nghiên cứu khoa học
2. Các thành phần chủ yếu của một bản đề cương

Bài 3: Các bước triển khai một đề tài nghiên cứu trên thực địa

1. Xây dựng đề cương nghiên cứu
2. Thẩm định đề cương nghiên cứu
3. Triển khai thực hiện đề tài
4. Nghiệm thu đề tài nghiên cứu

Bài 4: Biến số và phương pháp thu thập thông tin

1. Khái niệm về biến số
2. Phân loại biến số
3. Ý nghĩa của phân loại biến số
4. Xây dựng cây vấn đề cho nghiên cứu
5. Xác định công cụ cho nghiên cứu
6. Phương pháp thu thập thông tin cho nghiên cứu

Bài 5: Chọn mẫu và cỡ mẫu cho nghiên cứu

1. Các khái niệm: quần thể đích, quần thể nghiên cứu, mẫu nghiên cứu...
2. Vấn đề xác định đối tượng, quần thể nghiên cứu
3. Các tham số mẫu và tham số quần thể
4. Phương pháp chọn mẫu
5. Các kỹ thuật chọn mẫu cơ bản
6. Tính cỡ mẫu cho các nghiên cứu

Bài 6: Các thiết kế nghiên cứu khoa học y dược

1. Thiết kế nghiên cứu mô tả
2. Nghiên cứu phân tích
3. Nghiên cứu can thiệp

Bài 7. Lập kế hoạch nghiên cứu và xử lý số liệu

1. Chức năng và yêu cầu của lập kế hoạch
2. Dự kiến công việc cần triển khai của đề tài
3. Xác định thời gian thực hiện
4. Lựa chọn người chịu trách nhiệm với từng nội dung công việc
5. Các hình thức xây dựng kế hoạch (tiến độ) cho nghiên cứu

6. Thực hành việc lập kế hoạch cho nghiên cứu
7. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và báo cáo tiến độ

Bài 8: Phân tích và phiên giải kết quả

1. Các bước phân tích và phiên giải kết quả nghiên cứu
2. Lập kế hoạch phân tích phiên giải kết quả
3. Xử lý thô số liệu
4. Tạo công cụ nhập số liệu
5. Cơ sở để phân tích và phiên giải kết quả
6. Thực hành phân tích số liệu trên các phần mềm
7. Rút kết quả, lập bảng biểu đồ
8. Sử dụng các trắc nghiệm so sánh và kiểm định

Bài 9. Trình bày kết quả nghiên cứu

1. Yêu cầu của việc trình bày kết quả nghiên cứu
2. Các hình thức trình bày kết quả nghiên cứu
3. Viết nhận xét cho kết quả nghiên cứu

Bài 10. Cách viết một báo cáo tổng kết đề tài, viết bài báo khoa học.

1. Yêu cầu của một báo cáo tổng kết đề tài
2. Kết cấu của báo cáo tổng kết đề tài
3. Cách viết một bài báo khoa học
4. Cách tóm tắt tổng kết đề tài và bài báo khoa học

3. Nội dung chi tiết phần thực hành

Bài 1: Đại cương môn học, lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết NC

Xây dựng ý tưởng nghiên cứu, chủ đề nghiên cứu

Xây dựng tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu.

Bài 2: Xây dựng đề cương chi tiết cho nghiên cứu

Từ đề tài và mục tiêu nghiên cứu của bài 1, xây dựng đề cương nghiên cứu cho đề tài đó

Bài 3: Các bước triển khai một đề tài nghiên cứu trên thực địa

Lập kế hoạch chi phí triển khai đề tài đã xây dựng đề cương trước đó

Bài 4: Biến số và phương pháp thu thập thông tin

Với đề cương nghiên cứu đã xây dựng trước đó, xây dựng bộ công cụ thu thập thông tin, từ đó xây dựng các biến số và chỉ số cho nghiên cứu.

Bài 5: Chọn mẫu và cỡ mẫu cho nghiên cứu

Với đề cương nghiên cứu đã xây dựng, cần xây dựng công thức tính cỡ mẫu phù hợp, tính cỡ mẫu.

Chọn mẫu với những tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng.

Bài 6: Các thiết kế nghiên cứu khoa học y dược

Lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp với đề cương nghiên cứu đã xây dựng và lý giải được tại sao lại chọn thiết kế nghiên cứu đó.

Bài 7. Lập kế hoạch nghiên cứu và xử lý số liệu

Lập kế hoạch chi tiết triển khai đề tài, phương pháp xử lý số liệu và các biện pháp khắc phục sai số có thể xảy ra.

Bài 8: Phân tích và phiên giải kết quả

Lập kế hoạch chi tiết hướng phân tích số liệu, lập bảng kết quả dự kiến sẽ làm.

Bài 9. Trình bày kết quả nghiên cứu

Trình bày được các kết quả nghiên cứu, lựa chọn ưu tiên hình thức trình bày. Lý giải được tại sao lại có lựa chọn ưu tiên đó. Hiểu được bản chất của các hình thức trình bày kết quả đó. Nhận xét được các bảng số liệu.

Bài 10. Cách viết một báo cáo tổng kết đề tài, viết bài báo khoa học.

Học viên cần viết được một bài báo khoa học với số liệu cho sẵn

V. Tài liệu học tập

1. Lưu Ngọc Hoạt (2016), Phương pháp viết đề cương nghiên cứu tập 1, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
2. Lưu Ngọc Hoạt (2016), Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu tập 2, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
3. Trường Đại học Y tế công cộng (2014), Phương pháp nghiên cứu định tính, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Văn Minh (2019), Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê, NXB Y học. (bản điện tử)

2. Hoàng Văn Minh (2018), Khái niệm và thuật ngữ cơ bản sử dụng trong các nghiên cứu khoa học sức khỏe định lượng, nhà xuất bản Hà Nội. (bản điện tử)
3. Đỗ Hàm (2018), Tiếp cận nghiên cứu khoa học y học (giáo trình sau đại học), Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên.
4. Phạm Văn Thúc (2012), Phương pháp nghiên cứu lâm sàng - dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học.
5. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học, NXB Y học.
6. Đào Ngọc Phong, Tôn Thất Bách, Nguyễn Trần Hiển và CS (2006), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học và sức khỏe cộng đồng, Nhà xuất bản y học.
7. Lê Quang Bách (2002), Phương pháp nghiên cứu y - dược học, Nhà xuất bản quân đội nhân dân
8. Dương Đình Thiện (1999), Dịch tễ và thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản Y học, Trường đại học Y Dược Thái Bình.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Làm việc nhóm;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thảo luận nhóm
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá dựa vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu của khoa Y tế công cộng.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi báo cáo chuyên đề

- Ngân hàng chuyên đề thi gồm 30 chuyên đề bao phủ toàn bộ nội dung học tập
- Học viên sẽ bốc 01 chuyên đề trong ngân hàng chuyên đề
- Mỗi học viên tự xây dựng nội dung chuyên đề, xây dựng slide. Bài chuyên đề sẽ được nộp về phòng SĐH và sau đó mỗi bài thi sẽ được chấm bởi 2 giám thị.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Phương pháp giảng dạy**

Mã học phần: THSNGO1802

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Có

Đơn vị phụ trách: Tổ phương pháp giảng dạy

Thông tin giảng viên: ThS. Vũ Thị Loan; ĐT: 0983710086

Email: loannhiydtb@gmail.com

Giảng viên giảng dạy:

1. Ths. Vũ Thị Loan
2. Ths. Bùi Thị Quyên
3. TS. Vũ Duy Tùng

II. Mô tả môn học:

Phương pháp dạy học là môn học giảng dạy về phương pháp luận, phương pháp dạy/học trong Y học.

Môn học nhằm trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về phương pháp luận và những phương pháp dạy/học tích cực áp dụng trong dạy/học lý thuyết và thực hành.

III. Mục tiêu học tập:

1. Mục tiêu

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các phương pháp dạy/học truyền thống và tích cực.
2. Phân tích được các thành phần của mục tiêu học tập.
3. Trình bày được các phương pháp lượng giá/đánh giá khách quan.
4. Soạn được kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy/học tích cực.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, học viên có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được các phương pháp dạy/học truyền thống và tích cực	PLO5
CLO2	Trình bày được phương pháp lượng giá/ đánh giá khách quan	PLO5
Kỹ năng		
CLO3	Phân tích được các thành phần của mục tiêu học tập	PLO13
CLO4	Soạn được kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy/học tích cực.	PLO9, PLO13, PLO14, PLO16
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong khoa học	PLO20
CLO6	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO21

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa).

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT					
		PLO5	PLO 9	PLO11	PLO13	PLO14	PLO 15
THSNGO 1802	PP giảng dạy	H	L	M	H	L	M

IV. Nội dung:

Bài	Nội dung	Số tiết học		
		TS	LT	TH
1	- Các khuynh hướng mới trong giảng dạy y học - Thiết kế quy trình dạy/học	3	1	2
2	Mục tiêu học tập	3	1	2
3	Các kỹ năng cần có của người giảng dạy	3	1	2
4	Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm	3	1	2
5	Dạy/học bằng bảng kiểm	6	2	4
6	Dạy/học bằng phương pháp đóng vai	6	2	4
7	Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng ca	6	2	4
8	Khái quát lượng giá	3	1	2
9	Lượng giá lý thuyết	3	1	2
10	Lượng giá thực hành	3	1	2
11	Viết kế hoạch bài giảng	6	2	4
Tổng		45	15	30

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Bài 1. Các khuynh hướng mới trong giảng dạy y học. Thiết kế quy trình dạy/học?

1. Cách dạy/học truyền thống
2. Các dạy/học lấy học trò làm trung tâm: dạy/học tích cực
3. Khái niệm về quy trình dạy/học
4. Cấu trúc mô hình dạy/học

Bài 2. Mục tiêu học tập

1. Mục tiêu học tập là gì?
2. Tầm quan trọng của MTHT
3. Phân loại mục tiêu
4. Ba lĩnh vực của mục tiêu chuyên biệt
5. Cách viết MTHT
6. Sáu phẩm chất của mục tiêu chuyên biệt
7. Thực hành viết mục tiêu
8. Thảo luận nhóm

Bài 3. Các kỹ năng cần có của người giảng dạy

1. Trình bày được 7 kỹ năng cơ bản cần có của người giảng dạy
2. Trình bày một số kỹ thuật giao tiếp tốt
3. Thực hành giảng dạy áp dụng hiệu quả 1 số kỹ năng cơ bản

Bài 4. Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm

1. Vai trò của phương pháp dạy/học bằng thảo luận nhóm
2. Các bước tiến hành một buổi thảo luận nhóm
 - 2.1. Chuẩn bị bài (soạn bài ở nhà)
 - 2.2. Điều khiển buổi thảo luận
 - 2.3. Tổng kết buổi thảo luận
3. áp dụng thảo luận một chủ đề theo nhóm nhỏ

Bài 5. Dạy/học bằng bảng kiểm

1. Khái niệm về bảng kiểm
2. Cách xây dựng một bảng kiểm
3. Cách sử dụng bảng kiểm trong dạy/học
4. Cách sử dụng bảng kiểm trong lượng giá
5. Lập một bảng kiểm để dạy/học và một bảng kiểm để lượng giá

Bài 6. Dạy học bằng phương pháp đóng vai

1. Lợi ích của phương pháp dạy/học bằng đóng vai
2. Điều kiện áp dụng của phương pháp
3. Quy trình thực hiện phương pháp đóng vai
4. Đóng vai theo nhóm với chủ đề tự chọn
5. Thảo luận và tổng kết

Bài 7. Dạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng ca

1. Lợi ích của nghiên cứu từng ca trong dạy/học
2. Điều kiện áp dụng phương pháp nghiên cứu từng ca
3. Cách viết nghiên cứu từng ca
4. Viết một ví dụ về nghiên cứu từng ca
5. Thảo luận nhóm và kết luận

Bài 8. Khái quát về lượng giá

1. Tầm quan trọng của lượng giá
2. Khi nào tiến hành lượng giá

3. Những lĩnh vực cần lượng giá
4. Tiêu chuẩn của một phương pháp lượng giá tốt
5. Các hình thức lượng giá
6. Các phương pháp lượng giá
7. Kết luận

Bài 9. Lượng giá lý thuyết

1. Câu hỏi ngắn gọn: cấu trúc và cách viết; ưu, nhược điểm
2. Câu hỏi đúng/sai: cấu trúc và cách viết, ưu nhược điểm
3. Câu hỏi lựa chọn (MCQ): cấu trúc và cách viết, ưu nhược điểm
4. Những điều cần chú ý khi lượng giá kiến thức

Bài 10. Lượng giá thực hành

1. Bảng kiểm: chuẩn bị cho lượng giá bằng bảng kiểm
2. Chạy trạm (OSPE, OSCE)
3. Lượng giá theo nghiên cứu trường hợp
4. Xây dựng một công cụ để lượng giá thực hành

Bài 11. Viết kế hoạch bài giảng

1. Các bước viết kế hoạch bài giảng
2. Viết mục tiêu học tập
3. Viết nội dung học tập
4. Chọn phương pháp dạy/học
5. Chuẩn bị phương tiện và vật liệu dạy/học
6. Lượng giá
7. Kết thúc bài học

V. Tài liệu học tập:

Lương Xuân Hiến (2010), *Dạy học tích cực và lượng giá sinh viên trong đào tạo Y khoa*, NXB Y học.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Hình (2014), *Cẩm nang học tích cực cho sinh viên Y khoa*, Nhà xuất bản Thanh Niên.
2. Lương Xuân Hiến, Nguyễn Xuân Bái (2011), *Lượng giá kỹ năng Thực hành*, NXB Y học.

3. Phạm Thị Minh Đức (2001), *Dạy và học tích cực trong đào tạo y học*, Nhà xuất bản Y học.
4. Vương Thị Hòa, Nguyễn Đức Thanh (2011), *Khái quát lượng giá và lượng giá kiến thức*, NXB Y học.
5. Trương Việt Dũng, Đỗ Văn Dũng và cs (2005), *Hướng dẫn thực hành cho giảng viên y khoa*, Sách dịch thuộc chương trình “Nâng cao năng lực nguồn nhân lực y tế” do Chính phủ Hà Lan tài trợ.
6. Vương Thị Hòa, Vũ Phong Túc (2012), *Khái quát lượng giá, lượng giá kiến thức-thực hành*, NXB Y học.
7. Marc Van Nuland (2012), *Doctor – Patient Communication in the Vocational Training of General Practitioners*, Doctoral Thesis in Medical Sciences.
8. Suzanne Kurtz, Jonathan Silverman, Juliet Draper (2004), *Teaching and Learning Communication Skills in Medicine*, Radcliffe Publishing.
9. Zubair Amin, Khoo Hoon Eng (2002), *Basics in Medical Education*, World Scientific.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài tập về nhà làm;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;
- Trao đổi kỹ năng học nhóm; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

- **Thang điểm 10**
- **Công thức tính điểm:**

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- **Điểm chuyên cần (CC):**

Được đánh giá vẫn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- **Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)**

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này.

- **Điểm cuối học phần (CHP): Thi lý thuyết + thực hành**

+ ĐKTCHP: (Điểm lý thuyết+ Điểm thực hành)/2

. Lý thuyết: thi câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

. Thực hành: soạn 01 kế hoạch bài giảng và thực hiện giảng 01 tiết theo KHBG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Tin học Y học**

Mã học phần: THSNGO1803

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: Có

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Toán Tin

Thông tin giảng viên: ThS. Nguyễn Thị Thanh Duyên; ĐT: 0936455344

Email: nguyenthanhduyen82@gmail.com

1. Ths. Nguyễn Thị Thanh Duyên

2. Ths. Đỗ Thị Hòa

II. Mô tả học phần:

Môn học này trang bị cho học viên các kỹ năng xử lý, phân tích số liệu thống kê y học giúp học viên có khả năng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học của bản thân. Bên cạnh đó, môn học giúp học viên đạt được các kỹ năng cần thiết trong việc thiết kế, trình bày các kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:

1. Mục tiêu

- Sử dụng được các hàm tính toán cơ bản để quản lý và thống kê bảng tính trong Excel;
- Ứng dụng được các kiến thức, kỹ năng sử dụng phần mềm EpiData và SPSS trong việc phân tích, xử lý số liệu, phiên giải kết quả cho bộ số liệu cụ thể;
- Thực hiện được việc trình bày kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học bằng phần mềm MS Powerpoint.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Trình bày được các lý thuyết chung về tin học văn phòng.	PLO2,4
CLO2	Trình bày được lý thuyết cơ bản về các phần mềm tin học sử dụng trong thống kê	PLO2,4
Kỹ năng		
CLO3	Sử dụng được các phần mềm Excel, Power Point, Epi, SPSS	PLO6,12
CLO4	Ứng dụng được phần mềm Epi vào nhập liệu và SPSS vào xử lý số liệu	PLO6,12
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Sử dụng được một số phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học và giám sát dịch bệnh	PLO16
CLO6	Nghiêm túc, trung thực, có thái độ hợp tác tốt trong khoa học	PLO19
CLO7	Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của cộng đồng các dân tộc trong hoạt động nghề nghiệp	PLO20

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành YHDP theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT						
		PLO5	PLO 9	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO1803	Tin học y học	H	L	M	H	L	M	M

IV. Nội dung môn học:

1. Chương trình tổng quát

Stt	Chủ đề hoặc bài học	Tổng số	LT	TH
1	1. Bảng tính Excel	0.5	0.5	0
	- Giới thiệu về MS Excel.	4.5	1.5	3
	- Các hàm cơ bản trên MS Excel.	4	1	3
	- Thao tác trên cơ sở dữ liệu: Sắp xếp dữ liệu, lọc dữ liệu, các hàm làm việc với CSDL.			
	- Tạo biểu đồ trên MS Excel.	1.5	0.5	1
	- In ấn bảng tính	1.5	0.5	1
2	2. Mã hóa và quản lý số liệu bằng phần mềm EpiData Entry	0.5	0.5	0
	- Tổng quan về EpiData Entry	5.5	1.5	4
	- Mã hóa và quản lý số liệu sử dụng EpiData Entry			
	- Kiểm soát quá trình nhập dữ liệu trong EpiData Entry	5	1	4
	- Nhập và quản lý dữ liệu trong EpiData Entry	5	1	4
3	3. Xử lý và phân tích số liệu bằng SPSS			
	- Tổng quan về SPSS	0.5	0.5	0
	- Quản lý số liệu trên SPSS	2	1	1
	- Xử lý số liệu với SPSS	1.5	0.5	1
	- Biểu đồ trong SPSS	6	2	4
4	4. Trình chiếu báo cáo trên MS Powerpoint			
	- Giới thiệu chương trình MS Powerpoint.	0.5	0.5	0
	- Thiết kế Slide Presentation.	2	1	1
	- Định dạng Presentation.	1.5	0.5	1
	- Trình chiếu Presentation.	1.5	0.5	1
	- In ấn, đóng gói dữ liệu.	1.5	0.5	1
Tổng		45	15	30

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Bảng tính Excel

1.1. Giới thiệu về MS Excel.

1.2. Các hàm cơ bản trên MS Excel.

1.3. Thao tác trên cơ sở dữ liệu

1.4. Tạo biểu đồ trên MS Excel.

1.5. In ấn bảng tính

Bài 2. Nhập và quản lý số liệu bằng phần mềm EpiData Entry.

2.1. Tổng quan EpiData Entry

2.1.1. Giới thiệu về phần mềm EpiData Entry.

2.1.2. Cài đặt và làm quen với EpiData Entry

2.1.3. Thiết lập tham số tùy chọn trong EpiData Entry.

2.1.4. Quy trình làm việc trong chương trình EpiDataEntry.

2.2. Mã hóa và quản lý số liệu sử dụng EpiData Entry

2.2.1. Mã hóa bộ câu hỏi trong EpiData Entry

2.2.2. Kiểm soát quá trình nhập số liệu trong EpiData Entry

2.2.3. Nhập và quản lý số liệu trong EpiData Entry

Bài 3. Xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS

3.1 Tổng quan về SPSS

3.1.1. Làm quen với SPSS.

3.1.2. Tiến trình thực hiện trong SPSS.

3.1.3. Các phép toán cơ bản trong SPSS.

3.1.4. Biên bản làm việc (Text outputEditor).

3.1.5. Nhập và lưu tệp số liệu.

3.1.6. Một số lệnh cơ bản trên SPSS.

3.2. Quản lý số liệu với SPSS

3.2.1. Sắp xếp số liệu

3.2.2. Chọn lọc số liệu

3.2.3. Một số xử lý trên biến

3.3. Xử lý số liệu với SPSS.

3.3.1. Khái niệm xử lý số liệu.

3.3.2. Mô tả, kiểm tra bộ số liệu.

3.3.3. Làm sạch bộ số liệu.

3.3.4. Hoàn chỉnh bộ số liệu.

3.4. Biểu đồ trong SPSS.

- 3.4.1. Biểu đồ cột thanh
- 3.4.2. Biểu đồ chấm giải
- 3.4.3. Biểu đồ ma trận
- 3.4.4. Biểu đồ hình bánh
- 3.4.5. Biểu đồ hình hộp
- 3.4.6. Lưu và hiển thị đồ thị

3.5. Phân tích số liệu cơ bản

- 3.5.1. Khái niệm phân tích số liệu.
- 3.5.2. Phân tích thống kê mô tả.
- 3.5.3. Phân tích thống kê suy luận.
- 3.5.4. Phân tích hồi quy.
- 3.5.5. Viết chương trình kịch bản để thực hiện một chuỗi câu lệnh trong SPSS.

Bài 4. Trình chiếu báo cáo trên MS Powerpoint

4.1. Giới thiệu chương trình MS Powerpoint

- 4.1.1. Chức năng của Microsoft Powerpoint
- 4.1.2. Khởi động PowerPoint và kết thúc làm việc với Powerpoint
- 4.1.3. Giới thiệu màn hình giao diện của Powerpoint

4.2. Thiết kế Sile Presentation

- 4.2.1. Tạo mới một bài trình diễn (Blank Presentation)
- 4.2.2. Tạo mới một bài trình diễn sử dụng mẫu thiết kế có sẵn (Design Template)
- 4.2.3. Sử dụng các mẫu Presentation có sẵn
- 4.2.4. Lưu Presentation lên đĩa
- 4.2.5. Mở một Presentation có sẵn trên đĩa

4.3. Định dạng Presentation

- 4.3.1. Định dạng tổng thể (Master)
- 4.3.2. Thiết lập các hiệu ứng hoạt hình, âm thanh, thời gian trình diễn
- 4.3.3. Tạo liên kết giữa các Slide (Hyper link)

4.4. Trình chiếu Presentation, in ấn và xuất dữ liệu

- 4.4.1. Các chế độ hiển thị Presentation khi soạn thảo
- 4.4.2. Thêm một Slide, xóa, sao chép, di chuyển Slide
- 4.4.3. In ấn Presentation

4.4.4. Đóng gói Presentation

4.4.5. Trình diễn Presentation

V. Tài liệu học tập

Bộ môn Toán tin – Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2017), Giáo trình tin học ứng dụng (hệ cao học), (Lưu hành nội bộ).

VII. Tài liệu tham khảo

1. **Phạm Việt Cường** (2006), Giáo trình phần mềm EpiData, *Trường Đại học Y tế Công Cộng*.

2. **Hoàng Minh Hằng** (2008), Tin học ứng dụng trong y - sinh học, *Nhà xuất bản Y học*, Hà Nội

3. **Hoàng Trọng, Chu Mộng Ngọc** (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, *Nhà xuất bản Hồng Đức*.

4. **Ziad EI** (2004), EpiData for data entry and documentation, *Clinical Cancer Epidemiology*.

5. **Jens ML, Michael BR** (2004), The Epidata Association, Epidata Help, *Odense Denmark*.

6. **R. Lyman Ott** (2008), Introduction to Statistical Methods and Data Analysis, *Duxbury Press*.

7. **Microsoft Office** (2010), Microsoft PowerPoint 2010 Product Guide.

VII. Phương pháp giảng/dạy:

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm

2. Thực hành: Thảo luận nhóm, dạy – học theo nghiên cứu từng nhóm

VIII. Phương pháp lượng giá:

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	5%	1. Điểm danh có mặt trên lớp	Điểm danh	Rubric R1	7	10

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
	5%	2. Phát biểu, thảo luận trên lớp	- Vấn đáp	- Rubric R2	9	
		3. Làm bài tập được giao	Chấm bài tập	Theo đáp án, thang chấm	8	
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1 bài trắc nghiệm trên máy tính	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang chấm	1,2,3,4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	Bài thi kết thúc học phần	Thi thực hành trên máy tính: 01 bài (60 phút)	Theo đáp án và thang chấm	1,2,3,5,4,6	10

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá dựa vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài thi trắc nghiệm trên máy tính.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi thực hành trên máy tính

Được đánh giá bằng điểm làm bài thi thực hành trên máy tính.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ung thư - Giải phẫu bệnh**

Mã học phần: THSNGO1804

Số tín chỉ: 01 (1/0) = 15 tiết lý thuyết

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giải phẫu bệnh

Thông tin giảng viên: BSKKII. Lương Khắc Hiến; ĐT: 0943034626

Email:

Danh sách giảng viên:

1. BSKKII. Lương Khắc Hiến
2. TS. Trần Mạnh Hà
3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Hà
4. TS. Phan Văn Cương
5. Ths. Vũ Ngọc Bắc

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Ung thư - Giải phẫu bệnh học trang bị cho học viên những kiến thức về hình ảnh đại thể và vi thể của các tổn thương mô, tế bào nói chung cũng như các tổn thương bệnh lý của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể. Từ đó, giúp học viên có thể chẩn đoán được một số bệnh lý thường gặp và liên hệ tổn thương giải phẫu bệnh - lâm sàng. Đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, tiên lượng và phục vụ người bệnh được tốt hơn.

2. Thực hành: Không

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được những kiến thức cơ bản và cập nhật kiến thức mới về giải phẫu bệnh	PEO 2
2	Vận dụng các kiến thức giải phẫu bệnh để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh.	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO 1804	K-Giải phẫu bệnh	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Những khái niệm cơ bản về bệnh ung thư, nguyên nhân gây ung thư, chẩn đoán, dự phòng ung thư	4	0
2	Các phương pháp điều trị bệnh ung thư	3	0
3	Điều trị đau và giảm nhẹ các triệu chứng	2	0
4	Ung thư dạ dày	2	0
5	Ung thư đại tràng và trực tràng	2	0
6	Ung thư tuyến vú	2	0
	Tổng cộng	15	

4. ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

Bài 1: Những khái niệm cơ bản về bệnh ung thư, nguyên nhân, chẩn đoán, dự phòng ung thư

Số tiết học 4 (LT 4, TH 0)

1. Những khái niệm cơ bản về bệnh ung thư
2. Nguyên nhân gây ung thư
3. Các phương pháp chẩn đoán cận lâm sàng
4. Các biện pháp phòng bệnh

Bài 2. Các phương pháp điều trị bệnh ung thư

Số tiết học 3 (LT 3, TH 0)

1. Nguyên tắc điều trị chung
2. Phẫu thuật ung thư
3. Điều trị tia xạ ung thư
4. Các phương pháp điều trị toàn thân

Bài 3. Điều trị đau và giảm nhẹ các triệu chứng

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

1. Hiểu biết cơ bản về đau do ung thư
2. Điều trị giảm đau do ung thư

Bài 4: Ung thư dạ dày

Số tiết học 02 (LT 02, TH 0)

1. Đại cương
2. Các triệu chứng lâm sàng
3. Tổn thương giải phẫu bệnh
4. Các phương pháp chẩn đoán
5. Điều trị
6. Tiên lượng

Bài 5: Ung thư đại tràng và trực tràng

Số tiết học 02 (LT 02, TH 0)

1. Đại cương
2. Các triệu chứng lâm sàng
3. Tổn thương giải phẫu bệnh
4. Các phương pháp chẩn đoán
5. Điều trị
6. Tiên lượng

Bài 6. Ung thư biểu mô tuyến vú

Số tiết học 4 (LT 02, TH 0)

1. Dịch tễ học

2. Ung thư biểu mô tại chỗ
3. Ung thư biểu mô xâm nhập
4. Ung thư vú nam giới
5. Bệnh Paget núm vú

V. Tài liệu học tập

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình, *Chuyên đề Ung thư học - Giải phẫu bệnh*, tài liệu giảng dạy Sau đại học

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Quân Y Hà Nội (2012), Bài giảng Giải phẫu bệnh
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2012), *Bài giảng Giải phẫu bệnh, NXB Y học*
3. Trường Đại học Y Hà Nội (2013), *Bài giảng Ung thư học, NXB Y học*
4. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2013), *Bài giảng Giải phẫu bệnh, NXB Y học*
5. Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Bài giảng Giải phẫu bệnh, NXB Y học*
6. Cheng L, Bostwick D.G: Essentials of Anatomic Pathology, 3rdedition. Springer, 2011.
7. Orell S.R: Orell and Sterrett's fine needle aspiration cytology, 5thedition. Elsevier, 2012.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%

2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%

3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vẫn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Phẫu thuật thực hành**

Mã học phần: THSNGO1805

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết – 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email: cuongntb2013@gmail.com

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. PGS.TS. Vũ Sơn | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. TS. Đỗ Mạnh Toàn |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Phẫu thuật thực hành là một môn học về các phẫu thuật, thủ thuật dùng trong ngoại khoa để chữa bệnh, cũng như các tai biến, biến chứng có thể gặp khi thực hiện phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa trên người bệnh.

Ngoài ra PTTH còn để tìm tòi những thủ thuật mới để chữa bệnh.

2. Thực hành: Đào tạo người học thực hành được một số kỹ thuật, phẫu thuật, thủ thuật (trên súc vật) để điều trị một số bệnh lý ngoại khoa.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Vận dụng được các kiến thức để thực hiện đúng kỹ thuật, temps, thì trong một số phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa,	PEO 2

	nhận biết và có thái độ xử trí đúng các tai biến, biến chứng của phẫu thuật.	
2	Thực hành thành thạo một số kỹ thuật trong phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa.	PEO 2, PEO 8

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Vận dụng được các kiến thức để thực hiện đúng kỹ thuật, temps, thì trong một số phẫu thuật, thủ thuật ngoại khoa	PLO2
CLO2	Nhận biết và có thái độ xử trí đúng các tai biến, biến chứng có thể xảy ra của phẫu thuật.	PLO2
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện đúng các thao tác trong phẫu thuật ngoại khoa cơ bản	PLO6
CLO4	Thực hiện đúng các temps, thì trong một số phẫu thuật ngoại khoa.	PLO8
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Tổ chức được Équipe thực hiện hoàn chỉnh một phẫu thuật thành công trên súc vật.	PLO15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matric: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 6	PLO 8	PLO 15
THSNGO1805	Phẫu thuật thực hành	H	H	H	M

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Kỹ thuật mở và đóng thành bụng	1	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
2	Kỹ thuật khâu lỗ thủng đường tiêu hóa	1	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
3	Kỹ thuật cắt đoạn và khâu nối đường tiêu hóa	2	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
4	Kỹ thuật mở thông dạ dày	1	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
5	Kỹ thuật mở thông hồng tràng	1	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
6	Kỹ thuật nối vị tràng	2	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
7	Kỹ thuật cắt 2/3 dưới dạ dày	2	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
8	Kỹ thuật cắt đoạn đại tràng	2	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
9	Kỹ thuật làm hậu môn nhân tạo	2	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
10	Kỹ thuật mổ cắt ruột thừa viêm	1	Trình bày đúng các bước của kỹ thuật	CLO1,2
Tổng		15		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Kỹ thuật mở và đóng thành bụng	1	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
2	Kỹ thuật khâu lỗ thủng đường tiêu hóa	1	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
3	Kỹ thuật cắt đoạn và khâu nối đường tiêu hóa	4	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
4	Kỹ thuật mở thông dạ dày	2	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
5	Kỹ thuật mở thông hồng tràng	2	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
6	Kỹ thuật nối vị tràng	4	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
7	Kỹ thuật cắt 2/3 dưới dạ dày	4	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
8	Kỹ thuật cắt đoạn đại tràng	5	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
9	Kỹ thuật làm hậu môn nhân tạo	2	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
10	Kỹ thuật mổ dẫn lưu bàng quang	2	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
11	Kỹ thuật mổ dẫn lưu khoang màng phổi	1	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
12	Kỹ thuật mở khí quản	1	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
13	Kỹ thuật xử lý vết thương phần mềm	1	Thực hiện đúng các bước của kỹ thuật	CLO3,4,5
Tổng		30		

V. Tài liệu học tập

1. Giáo trình Phẫu thuật thực hành - Trường Đại học Y Dược Thái Bình. NXB Giáo dục học 2015

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Zollinger R.M. Christopher E.. Zollinger's atlas of surgical operations, 9ed. The McGraw-Hill company 2011
2. Giáo trình Phẫu thuật thực hành - Trường Đại học Y Hà Nội. NXB y học 2015

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Lý thuyết:

- Thuyết giảng trên lớp;
- Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

Thực hành: Hướng dẫn thao tác mẫu trên súc vật

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...
- Thực hành trên súc vật

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vẫn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Gây mê hồi sức**

Mã học phần: THSNGO1806

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Gây mê phẫu thuật

Thông tin giảng viên: BSCKII. Bùi Ngọc Chính; ĐT: 0912090957

Email:

Danh sách giảng viên:

1. BSCKII. Bùi Ngọc Chính
2. Ths. Nguyễn Thị Bích Phượng
3. Ths. Vũ Đình Lượng

II. Mô tả học phần

Gây mê hồi sức là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về gây mê hồi sức, để người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật về gây mê hồi sức, kỹ năng về hồi sức bệnh nhân cấp cứu và sau mổ.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
I	Kiến thức	
1	Trình bày được chỉ định, chống chỉ định của các phương pháp gây mê và gây tê cơ bản	PEO 2
2	Trình bày được kỹ thuật, tai biến, biên chứng của các pháp	PEO 2, PEO 8

	gây mê và gây tê cơ bản	
3	Trình bày được cách xử trí BN mất máu và sốc mất máu	PEO 2, PEO 8
4	Trình bày được chẩn đoán và điều trị BN sốc nhiễm trùng	PEO 2, PEO 8
II	Kỹ năng	
1	Chăm sóc được bệnh nhân sau gây mê, gây tê	PEO 2, PEO 8
2	Thực hiện được một số kỹ thuật gây mê, gây tê thông dụng	PEO 2, PEO 8
3	Hồi sức được một số cấp cứu thường gặp trong ngoại khoa	PEO 2, PEO 8

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO13	PLO14
THSNGO1806	Gây mê hồi sức	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Đại cương về vô cảm	1	0
2	Gây tê tuỷ sống	1	4
3	Gây tê ngoài màng cứng	1	4
4	Gây mê Tĩnh mạch	1	2
5	Gây mê nội khí quản	1	2
6	Tai biến và biến chứng của gây mê	1	0
7	Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ	1	2

8	Chăm sóc bệnh nhân sau mổ	1	2
9	Truyền máu	1	2
10	Các chất dịch thay thế máu	1	2
11	GMHS với phẫu thuật nội soi	1	2
12	Sốc mất máu	1	2
13	Sốc nhiễm khuẩn	1	2
14	Giảm đau sau mổ	1	2
15	Gây mê với phẫu thuật nội soi	1	2
	Tổng	15	30

4. Đề cương môn học:

Bài 1: Đại cương về vô cảm

Số tiết học 02 (LT 2, TH 0)

1. Định nghĩa và phân loại
2. Vô cảm toàn thể

Bài 2: Gây tê tuỷ sống

Số tiết học 10 (LT: 2, TH 8)

1. Chỉ định và chống chỉ định
2. Kỹ thuật gây tê tuỷ sống
3. Ưu nhược điểm và tai biến

Bài 3. Gây tê ngoài màng cứng

Số tiết học 10 (LT: 2, TH 8)

1. Kỹ thuật gây tê
2. Ảnh hưởng của tê ngoài màng cứng đến cơ thể và tai biến có thể gặp
3. Chỉ định và chống chỉ định

Bài 4. Gây mê Tĩnh mạch

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Một số thuốc được dùng để gây mê tĩnh mạch
2. Kỹ thuật, thuận lợi và không thuận lợi

Bài 5. Gây mê nội khí quản

Số tiết học 8 (LT 2, TH: 6)

1. Kỹ thuật đặt nội khí quản
2. Chỉ định và chống chỉ định

Bài 6. Tai biến và biến chứng của gây mê

Số tiết học 02 (LT: 2, TH: 0)

1. Nôn, trào ngược
2. Biến chứng hô hấp

3. Biến chứng tuần hoàn
4. Các biến chứng bất thường khác

Bài 7. Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Chuẩn bị trước mổ
2. Mẫu kiểm soát chăm sóc trước mổ

Bài 8. Chăm sóc bệnh nhân sau mổ

Số tiết học 8 (LT: 2, TH: 6)

1. Chăm sóc thông thường
2. Đối với các biến chứng

Bài 9. Truyền máu trong ngoại khoa

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Điều kiện một túi máu có thể truyền
2. Thay đổi thành phần của máu dự trữ
3. Chỉ định và chống chỉ định truyền máu
4. Kỹ thuật truyền máu

Bài 10. Các chất dịch thay thế máu sử dụng trong hồi sức chống sốc giảm thể tích

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Mục đích của truyền dịch thể
2. Các loại dịch thể thường dùng trong công việc hồi sức hàng ngày

Bài 12. Sốc mất máu

Số tiết học 105 (LT: 2, TH: 8)

1. Lâm sàng và cận lâm sàng
2. Nguyên tắc điều trị và các giai đoạn của sốc mất máu

Bài 13. Sốc nhiễm khuẩn

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Đại cương
2. Lâm sàng, cận lâm sàng và chẩn đoán

Bài 14. Giảm đau sau mổ

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Phân loại mức độ đau
2. Phác đồ điều trị đau

Bài 15. GMHS với phẫu thuật nội soi

Số tiết học 06 (LT: 0, TH: 6)

1. Chỉ định phẫu thuật nội soi
2. Tai biến, biến chứng trong, sau mổ nội soi

Bài 16. Thảo luận ca bệnh

Số tiết học 08 (LT: 2, TH: 6)

1. Chuẩn bị ca bệnh

2. Theo dõi một số bệnh nhân cụ thể

V. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Thái Bình, *Chuyên đề Gây mê hồi sức*, Tài liệu giảng dạy sau đại học.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa (2003), Trường Đại học Y Thái Bình
2. Bài giảng gây mê hồi sức, Tập I, II (2006), Trường Đại học Y Hà Nội
3. Thuốc sử dụng trong gây mê (2002), Nhà xuất bản y học
4. Hồi sức cấp cứu – Tiếp cận theo các phác đồ (2012), Bệnh viện Bạch Mai
5. Gây mê hồi sức cho phẫu thuật nội soi (2013), Nhà xuất bản giáo dục Việt nam
6. Hồi sức cấp cứu và gây mê trẻ em (2003), Nhà xuất bản y học Hà Nội

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.
- Thực hành: thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vẫn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Sản phụ khoa**

Mã học phần: THSNGO1807

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phụ sản

Thông tin giảng viên: TS. Bùi Minh Tiến; ĐT: 0904102798

Email:

Danh sách giảng viên:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. TS. Bùi Minh Tiến | BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết |
| 2. PGS.TS. Ninh Văn Minh | BSCKII. Đinh Văn Hoàn |
| 3. TS. Nguyễn Trung Kiên | BSCKII. Hoàng Tiến Nam |
| 4. TS. Nguyễn Đăng Kiên | BSCKII. Lê Hải Dương |

II. Mô tả học phần

Môn Sản phụ khoa có liên quan với các môn học của chuyên ngành Ngoại khoa trong chẩn đoán và điều trị. Môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức được cập nhật, mở rộng và nâng cao kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh Sản phụ khoa thường gặp.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Phát hiện được các yếu tố để tiên lượng cuộc đẻ	PEO 2

2	Chẩn đoán và xử trí được các trường hợp sản bệnh lý và cấp cứu trong sản khoa	PEO 2, PEO 8
3	Chẩn đoán và xử trí được một số bệnh phụ khoa thường gặp	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 15	PLO 15
THSNGO1807	Sản phụ khoa	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ	2	0
2	Rau tiền đạo	2	0
3	Nhiễm độc thai nghén, tiền sản giật, sản giật	2	0
4	Rau bong non	2	0
5	Sảy thai, dọa sảy thai, thai chết trong tử cung	1	0
6	Chửa ngoài tử cung	1	0
7	Vỡ tử cung	1	0
8	Các chỉ định mổ lấy thai	1	0
9	Khối u buồng trứng, U xơ tử cung	1	0
10	Băng huyết sau đẻ	1	0
11	Thai trứng	1	0
12	Cắt khâu tầng sinh môn	0	4

13	Kiểm soát tử cung, bóc rau nhân tạo	0	4
14	Chẩn đoán, theo dõi, biểu đồ chuyển dạ	0	4
15	Kỹ thuật mổ lấy thai	0	4
16	Kỹ thuật mổ chữa ngoài tử cung	0	4
17	Kỹ thuật chọc dò Douglar	0	2
18	Kỹ thuật mổ khối u buồng trứng	0	2
19	Chẩn đoán và xử trí băng huyết sau đẻ	0	2
20	Thảo luận ca bệnh	0	4
	Tổng	15	30

Bài 1: Các yếu tố tiên lượng cuộc đẻ

Số tiết học 3 (LT 3, TH 0)

- Các yếu tố về phía người mẹ
- Các yếu tố về phía thai nhi
- Các yếu tố về phía phần phụ của thai
- Các yếu tố xã hội khác

Bài 2. Rau tiền đạo

Số tiết học 3 (LT 3, TH 0)

- Định nghĩa
- Dịch tễ học
- Phân loại
- Triệu chứng
- Các hướng điều trị

Bài 3. Nhiễm độc thai nghén, tiền sản giật, sản giật

Số tiết học 3 (LT 3, TH 0)

- Dịch tễ học
- Triệu chứng
- Thái độ điều trị
- Các yếu tố tiên lượng

Bài 4. Rau bong non

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Dịch tễ học
- Cơ chế bệnh sinh
- Các thể lâm sàng
- Thái độ điều trị

Bài 5. Sảy thai, dọa sảy thai, thai chết trong tử cung

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Nguyên nhân

- Triệu chứng
- Thái độ xử trí
- Phòng bệnh

Bài 6: Chửa ngoài tử cung (chửa lạc chỗ)

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Dịch tễ học
- Đặc điểm giải phẫu
- Các thể lâm sàng
- Chẩn đoán
- Các phương pháp điều trị

Bài 7. Vỡ tử cung

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Phân loại
- Nguyên nhân
- Chẩn đoán
- Cách xử trí và phòng bệnh

Bài 8. Các chỉ định mổ lấy thai

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Chỉ định về phía mẹ
- Chỉ định về phía thai
- Chỉ định về phần phụ của thai
- các chỉ định khác

Bài 9. Khối u buồng trứng, U xơ tử cung

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Dịch tễ học
- Phân loại
- Chẩn đoán
- Các hướng xử trí

Bài 10. Băng huyết sau đẻ

Số tiết học 2 (LT 2, TH 0)

- Nguyên nhân
- Triệu chứng
- Xử trí
- Phòng bệnh

Bài 11. Thai trứng

Số tiết học 1 (LT 1, TH 0)

- Dịch tễ học
- Giải phẫu bệnh lý
- Triệu chứng lâm sàng
- Triệu chứng cận lâm sàng
- Thái độ xử trí

- Các biện pháp xử trí
- Cách theo dõi

Bài 12. Cắt khâu tầng sinh môn

Số tiết học 4 (LT 0, TH 4)

- Mục đích
- Kỹ thuật
- Chăm sóc

Bài 13. Kiểm soát tử cung, bóc rau nhân tạo

Số tiết học 4 (LT 0, TH 4)

- Mục đích
- Kỹ thuật
- Chăm sóc

Bài 14. Chẩn đoán, theo dõi, biểu đồ chuyển dạ

Số tiết học 4 (LT 0, TH 4)

Bài 15. Kỹ thuật mổ lấy thai

Số tiết học 8 (LT 0, TH 8)

Bài 16. Kỹ thuật mổ chữa ngoài tử cung

Số tiết học 8 (LT 0, TH 8)

Bài 17. Kỹ thuật chọc dò Douglar

Số tiết học 2 (LT 0, TH 2)

Bài 18. Kỹ thuật mổ khối u buồng trứng

Số tiết học 4 (LT 0, TH 4)

Bài 19. Chẩn đoán và xử trí băng huyết sau đẻ

Số tiết học 4 (LT 0, TH 4)

Bài 20. Thảo luận ca bệnh

Số tiết học 7 (LT 0, TH 7)

V. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y khoa Thái Bình, *Chuyên đề Sản phụ khoa tổng hợp*, Tài liệu giảng dạy sau đại học.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn sản phụ khoa - Trường Đại học Y khoa Hà Nội, *Sản phụ khoa*.
2. Bộ môn Sản phụ khoa - Trường Đại học Y Hà Nội, *Thủ thuật Sản khoa*.
3. Bộ môn Sản phụ khoa - Trường Đại Y khoa Hà Nội, *Cấp cứu Sản khoa*.
4. Học viện Quân Y (1993), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa* (Sau đại học) tập II.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;

- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Dược lâm sàng**

Mã học phần: THSNGO1901

Số tín chỉ: 03 (1.5/1.5) = 20 tiết lý thuyết và 45 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý

Thông tin giảng viên: Ths. Tô Thị Hồng Thịnh; ĐT: 0975522749

Email:

Danh sách giảng viên:

1. Ths. Tô Thị Hồng Thịnh
2. TS. Ngô Thị Hồng Thiện
3. Ths. Đinh Thị Tuyết Lan
4. Ths. Nguyễn Thị Châu Loan

II. Mô tả học phần

Môn Dược lý lâm sàng là một trong những môn cơ sở làm nền tảng cho việc giảng dạy phần điều trị học của các môn học chuyên ngành. Môn học trang bị cho các Học viên những kiến thức cơ bản và cập nhật có hệ thống những vấn đề trong lĩnh vực Dược lâm sàng để áp dụng cho các môn chuyên ngành trong lĩnh vực điều trị và kết nối chẩn đoán với điều trị.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày và phân tích được dược lý học phân tử, cơ chế	PEO 2

	của dược động học, tương tác thuốc và vấn đề sử dụng kháng sinh an toàn - hiệu quả	
2	Phân tích dược động học, dược lực học, dược lý cảnh giác và dược lý thời khắc của nhóm thuốc chống viêm, thuốc giảm đau, thuốc lợi niệu, thuốc tác động trên quá trình đông máu và tiêu fibrin, vitamin và dịch truyền	PEO 2, PEO 8
3	Phân tích việc sử dụng thuốc trên một số đối tượng đặc biệt (trẻ em, người già, PNCT, cho con bú, người suy gan - thận)	PEO 2, PEO 8
4	Trình bày nguyên tắc sử dụng và biện pháp xử lý độc tính bằng thuốc (nếu có) của các nhóm thuốc dùng nhiều trong ngoại khoa nói trên	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO1901	Dược lâm sàng	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

Bài	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Đại cương về Dược lý học lâm sàng và thuốc thiết yếu	2	4
2	Dược động học và các thông số dược động học ứng dụng trong LS	2	4
3	Tương tác thuốc, ADR và vấn đề dị ứng thuốc	2	4

4	Các nhóm thuốc kháng sinh và vấn đề sử dụng kháng sinh trong lâm sàng, kháng sinh trong ngoại khoa	4	8
5	Thuốc chống viêm, thuốc giảm đau	4	8
6	Thuốc tác dụng trên tim và thuốc điều trị shock	2	4
7	Vitamin và sử dụng hợp lý vitamin và dịch truyền	2	4
8	Thuốc lợi niệu, giãn mạch và thuốc sát khuẩn - chống ung thư	1	4
9	Sử dụng thuốc trên một số đối tượng đặc biệt	1	5
	Cộng	20	45

Bài 1. Đại cương về Dược lý học lâm sàng và thuốc thiết yếu Số tiết 6 (LT 2, TH 4)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Tương tác thuốc - thuốc
- 1.3. Các thuốc thiết yếu ứng dụng trong lâm sàng
- 1.4. Hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý

Bài 2. Dược động học và các thông số dược động học ứng dụng lâm sàng

Số tiết 6 (LT 2, TH 4)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Các thông số dược động học
- 1.3. Biến đổi thông số dược động học liên quan đến thay đổi chức năng gan thận.

Bài 3. Tương tác thuốc, ADR và vấn đề dị ứng thuốc

Số tiết 6 (LT 2, TH 4)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Tương tác thuốc - thuốc
- 1.3. Tương tác đồ ăn - thức uống
- 1.4. Hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý

Bài 4. Các nhóm thuốc kháng sinh và vấn đề sử dụng kháng sinh trong lâm sàng, kháng sinh trong ngoại khoa

Số tiết 12 (LT 4, TH 8)

- 1.1. Sử dụng kháng sinh trong điều trị
- 1.2. Sử dụng kháng sinh trong dự phòng
- 1.3. Phối hợp kháng sinh

Bài 5. Thuốc chống viêm (NSAIDs và corticoid), thuốc giảm đau (trung ương và ngoại biên)

Số tiết 12 (LT 4, TH 8)

1. Thuốc chống viêm (NSAIDs và corticoid)

- 1.1. Nhắc lại tác dụng của corticoid
- 1.2. Chỉ định và lựa chọn thuốc glucocorticoid
- 1.3. Tác dụng không mong muốn và biện pháp khắc phục
- 1.4. Những lưu ý khi kê đơn glucocorticoid
- 1.5. Chế độ điều trị cách ngày
- 1.6. Glucocorticoid bôi ngoài
- 2. Thuốc giảm đau (trung ương và ngoại biên)**
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Thuốc giảm đau trung ương
 - 2.3. Thuốc giảm đau ngoại biên
 - 2.4. Nguyên tắc chung khi sử dụng thuốc giảm đau

Bài 6. Thuốc tác dụng trên tim và thuốc điều trị shock *Số tiết 6 (LT 2, TH 4)*

- 1.1. Các glycosid tim
- 1.2. Thuốc trợ tim loại làm tăng AMP vòng
- 1.3. Phối hợp thuốc trong điều trị suy tim

Bài 7. Vitamin và sử dụng hợp lý vitamin *Số tiết 6 (LT 2, TH 4)*

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Nguyên nhân thiếu, thừa. vitamin và biện pháp khắc phục
- 1.3. Cách lựa chọn chế phẩm chứa vitamin

Bài 8. Thuốc lợi niệu, giãn mạch và thuốc sát khuẩn - chống ung thư

Số tiết 5 (LT 1, TH 4)

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Tương tác thuốc - thuốc
- 1.3. Các thuốc lợi niệu, giãn mạch ứng dụng trong lâm sàng
- 1.4. Các thuốc sát khuẩn, thuốc chống ung thư ứng dụng trong lâm sàng

Bài 9. Sử dụng thuốc trên một số đối tượng đặc biệt *Số tiết 6 (LT 1, TH 5)*

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Tương tác thuốc - thuốc
- 1.3. Các thuốc đặc biệt ứng dụng trong lâm sàng

V. Tài liệu học tập

Bộ môn Dược lý dược lâm sàng Trường Đại học Y Thái Bình, Tài liệu giảng dạy sau đại học.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Doãn Đại (1993), Đại cương dược lý học lâm sàng, Nxb Y học, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Kim Huyền (1997), Dược lâm sàng, Trường Đại học Dược Hà Nội.
3. Hoàng Tích Huyền (1997), Tác dụng không mong muốn của thuốc, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
4. Ban tư vấn sử dụng kháng sinh (1998), Hướng dẫn sử dụng kháng sinh, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.
5. Hoàng Tích Huyền (1998), Dược lý học, Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
6. Đào Văn Phan (2004), Dược lý học lâm sàng, Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
7. VIDAL (pháp) 2000
8. M.I.M.S 2000
9. VIDAL 2001 - 2005

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vẫn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Sinh lý bệnh**

Mã học phần: THSNGO1902

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý bệnh

Thông tin giảng viên: TS. Trần Thị Vân Anh; ĐT: 0913075358

Email:

Danh sách giảng viên:

1. TS. Trần Thị Vân Anh
2. TS. Khổng Thị Điệp
3. Ths. Lê Thị Lan Phương

II. Mô tả học phần

Môn Sinh lý bệnh là một trong những môn cơ sở làm nền tảng cho việc giảng dạy phần điều trị học của các môn học chuyên ngành. Môn học trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật về sinh lý bệnh, miễn dịch lâm sàng và bệnh tự miễn thường gặp.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Giải thích được cơ chế của các rối loạn chức năng cơ quan và cơ chế bệnh sinh của từng bệnh lý cụ thể	PEO 2
2	Ứng dụng được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh và miễn dịch trên thực nghiệm vào công tác dự phòng, chẩn đoán	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
NTNGO-2801	Sinh lý bệnh	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Đại cương sinh lý bệnh	2	4
2	Đói oxy	2	4
3	Bệnh sinh sốc chấn thương, sốc mất máu	2	4
4	Bệnh sinh sốc phản vệ, sốc truyền nhầm nhóm máu	2	4
5	Quá trình lành vết thương	2	4
6	Tế bào gốc	2	4
7	Miễn dịch trong ghép	1	2
8	Miễn dịch và bệnh sinh trong ung thư	1	2
9	Dị ứng thuốc	1	2
Tổng		20	45

Bài 1: Đại cương sinh lý bệnh

6 tiết

1. Đại cương
2. Phương pháp nghiên cứu
3. Bệnh nguyên
4. Bệnh sinh
5. Vòng xoắn bệnh lý

Bài 2: Đói oxy	6 tiết
1. Rối loạn quá trình thông khí 2. Rối loạn quá trình khuếch tán khí 3. Rối loạn quá trình vận chuyển khí 4. Rối loạn quá trình hô hấp tế bào 5. Đói oxy trong ngoại khoa	
Bài 3: Shock chấn thương, shock mất máu	6 tiết
1. Đại cương 2. Shock chấn thương 3. Shock mất máu	
Bài 4: Shock phản vệ, shock truyền nhầm nhóm máu	6 tiết
1. Đại cương 2. Shock phản vệ 3. Shock truyền nhầm nhóm máu	
Bài 5: Quá trình lành vết thương	6 tiết
1. Đại cương 2. Các yếu tố tham gia 3. Diễn biến quá trình lành vết thương 4. Các yếu tố ảnh hưởng	
Bài 6: Tế bào gốc	6 tiết
1. Đại cương 2. Phân loại, đặc tính của tế bào gốc 3. Nhân bản vô tính 4. Nhân bản trị liệu	
Bài 7: Miễn dịch trong ghép tạng	3 tiết
1. Đại cương 2. Cơ chế gây thải ghép 3. Các biện pháp ngăn cản phản ứng thải bỏ mô ghép 4. Mảnh ghép chống túc chủ	
Bài 8: Miễn dịch trong ung thư	3 tiết
1. Đại cương	

2. Miễn dịch không đặc hiệu chống ung thư

3. Miễn dịch không đặc hiệu ung thư

Bài 9: Di ứng thuốc

3 tiết

1. Đại cương

2. Đặc điểm

3. Cơ chế

4. Chẩn đoán và điều trị

5. Nguyên tắc phòng

6. Một số trường hợp

V. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Thái Bình , *Bài giảng Sinh lý bệnh* (lưu hành nội bộ)

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sinh lý bệnh.

2. Đại học Y Hà Nội, Sinh lý bệnh học.

3. Đại học Y Hà Nội, Miễn dịch học.

4. Học viện Quân Y, Miễn dịch học.

5. GS Vũ Triệu An, Miễn dịch học.

6. Nguyễn Năng An, Hen phế quản.

7. Lê Đình Doanh, Bệnh học bệnh miễn dịch.

8. Đào Văn Chinh, Phạm Văn Thức, Miễn dịch học lâm sàng.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;

- Hỏi - đáp trực tiếp;

- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;

- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;

- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Huyết học và truyền máu**

Mã học phần: THSNGO1903

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Huyết học truyền máu

Thông tin giảng viên: BSKKII. Lê Thị Hồng Thúy; ĐT: 0919370385

Email:

Danh sách giảng viên:

1. BSKKII. Lê Thị Hồng Thúy
2. TS. Đặng Thu Hằng
3. BSKKII. Mai Văn Tư

II. Mô tả học phần

Môn Huyết học truyền máu là một trong những môn cơ sở làm nền tảng cho việc giảng dạy phần điều trị học của các môn học chuyên ngành. Môn học trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, hệ thống, cập nhật về huyết học xét nghiệm, huyết học lâm sàng và truyền máu.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được nội dung về máu, an toàn truyền máu, hướng dẫn hoạt động truyền máu, truyền máu trong ngoại khoa, tai biến truyền máu	PEO 2
2	Trình bày được quá trình đông cầm máu và ứng dụng một số xét nghiệm đông cầm máu trong chẩn đoán lâm sàng, hội chứng rối loạn đông máu rải rác trong lòng mạch	PEO 2, PEO 8

3	Trình bày được sơ đồ bệnh lý tế bào nguồn sinh máu và tiêu chuẩn chính chẩn đoán một số bệnh máu thường gặp	PEO 2, PEO 8
4	Thực hiện được việc chỉ định máu, chế phẩm máu, thực hành truyền máu lâm sàng và giải quyết tình huống tai biến truyền máu đối với một số trường hợp lâm sàng thường gặp	PEO 2, PEO 8
5	Áp dụng những nội dung thông tư 26 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn hoạt động truyền máu trong lâm sàng	PEO 2, PEO 8
6	Thực hiện được chỉ định, đánh giá xét nghiệm đông cầm máu và ứng dụng một số xét nghiệm đông cầm máu trong chẩn đoán lâm sàng. Chẩn đoán và xử trí được tình huống bệnh lý rối loạn đông cầm máu thường gặp trong ngoại khoa	PEO 2, PEO 8
7	Ứng dụng được tiêu chuẩn chính chẩn đoán bệnh lý tế bào nguồn sinh máu của một số bệnh máu thường gặp	PEO 2, PEO 8
8	Học viên xác định được vai trò của kiến thức về Huyết học-Truyền máu là một phần nền tảng để học tập chuyên khoa ngoại và để thực hành bệnh viện	PEO 2, PEO 8
9	Nhìn nhận một cách nghiêm túc, nghiêm khắc về việc trau dồi các văn bản dưới pháp luật qui định cho hoạt động truyền máu, thực hành hoạt động truyền máu đúng qui định	PEO 2, PEO 8
10	Xác định tính trung thực, nghiêm túc trong việc thực hiện kỹ thuật truyền máu lâm sàng, xử trí tai biến truyền máu, chỉ định, đánh giá xét nghiệm đông máu, chẩn đoán và xử trí rối loạn đông máu trong ngoại khoa, tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh lý tế bào nguồn sinh máu	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO1903	Huyết học và truyền máu	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Nội dung	Số tiết học		
		Tổng số	LT	TH
1.	Máu, sản phẩm máu	2	2	
2.	Tai biến truyền máu	2	2	
3.	An toàn truyền máu	2	2	
4.	Chỉ định truyền máu trong ngoại khoa	2	2	
5.	Thực hành truyền máu lâm sàng	8	0	8
6.	Quá trình đông cầm máu và các xét nghiệm ứng dụng	2	2	
7.	Chỉ định và đánh giá xét nghiệm đông cầm máu	2	2	
8.	Hội chứng rối loạn đông máu rải rác trong lòng mạch (DIC)	2	2	
9.	Phân loại bệnh lý tế bào nguồn tạo máu	1	1	
10.	Thực hành chỉ định và đánh giá xét nghiệm đông máu	7	0	7
Tổng		30	15	15

Bài 1: Máu, sản phẩm máu

Số tiết học: 2 (LT 2 ; TH 0)

1. Máu toàn phần
2. Khối hồng cầu
3. Chế phẩm tiểu cầu
4. Chế phẩm huyết tương
5. Khối bạch cầu hạt trung tính

Bài 2. Tai biến truyền máu

Số tiết học: 2 (LT 2; TH 0)

1. Phân loại tai biến truyền máu.
2. Một số tai biến truyền máu thường gặp

Bài 3. An toàn truyền máu

Số tiết học: 2 (LT 2 ; TH 0)

1. Lựa chọn và các biện pháp bảo đảm nguồn người hiến máu an toàn
2. Các biện pháp đảm bảo an toàn truyền máu khác.
3. Các biện pháp bảo đảm an toàn về mặt miễn dịch trong truyền máu

Bài 4. Chỉ định truyền máu trong ngoại khoa

Số tiết học: 2 (LT 2 ; TH 0)

1. Nguyên tắc chỉ định truyền máu trong lâm sàng
2. Một số hình thức truyền máu
3. Chỉ định truyền máu

Bài 5. Thực hành truyền máu lâm sàng

Số tiết học: 8 (LT 0 ; TH 8)

1. Quy trình phát máu an toàn
2. Quy trình truyền máu tại đầu giường

Bài 6. Quá trình đông cầm máu và các xét nghiệm thăm dò

Số tiết học: 02 (LT: 02; TH: 0)

1. Đại cương
2. Những yếu tố tham gia vào hoạt hóa đông máu
3. Các giai đoạn của cơ chế đông cầm máu
4. Điều hoà quá trình đông máu
5. Một số xét nghiệm thăm dò quá trình đông cầm máu
6. Chỉ định xét nghiệm đông máu hợp lý

Bài 7. Chỉ định và đánh giá xét nghiệm đông cầm máu

Số tiết học: (LT: 04; TH: 07)

1. Đánh giá giai đoạn cầm máu kỳ đầu
2. Đánh giá giai đoạn đông máu huyết tương
3. Đánh giá tình trạng tiêu sợi huyết
4. Đánh giá tình trạng tăng đông, huyết khối
5. Xét nghiệm đánh giá khi điều trị thuốc chống đông

Bài 8. Hội chứng rối loạn đông máu rải rác trong lòng mạch (DIC)

Số tiết học: 02 (LT: 02; TH: 0)

1. Đại cương
2. Chẩn đoán
3. Điều trị

4. Theo dõi tiến triển bệnh

Bài 9. Phân loại bệnh lý tế bào nguồn tạo máu

Số tiết học: 1 (LT 1 ; TH 0)

Bài 10. Thực hành chỉ định và đánh giá xét nghiệm đông máu

Số tiết học: 7 (LT 0 ; TH 7)

1. Các bước biện luận kết quả đông máu cơ bản
2. Các chỉ số bình thường của xét nghiệm đông máu cơ bản
3. Biện luận một số kết quả đông máu vòng đầu (first-line tests)

V. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), “Huyết học-Truyền máu sau đại học”, Tài liệu phát tay, Bộ môn Huyết học-Truyền máu

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Văn Bé (2003), Lâm sàng Huyết học, NXB Y học
2. Trần Văn Bé (2003), Thực hành Huyết học-Truyền máu, NXB Y học.
3. Bộ Y tế (2013), Thông tư 26 hướng dẫn hoạt động truyền máu
4. Bộ Y Tế (2008), Sổ tay sử dụng máu lâm sàng. Dự án hỗ trợ kỹ thuật
5. Đỗ Trung Phần (2012), Truyền máu hiện đại cập nhật và ứng dụng trong điều trị bệnh, NXB giáo dục Việt Nam
6. Đỗ Trung Phần (2000), An toàn truyền máu, NXB KHKT, Hà Nội
7. Đỗ Trung Phần (2002), Bệnh lý tế bào nguồn sinh máu – Chẩn đoán, phân loại và điều trị, NXB Y học, NXB Y học, Hà Nội
8. Đỗ Trung Phần (2005), Kỹ thuật xét nghiệm huyết học và truyền máu ứng dụng trong lâm sàng, NXB Y học.
9. Nguyễn Anh Trí (2008), Đông máu ứng dụng trong lâm sàng, Nhà xuất bản Y học
10. Trường Đại học Y Hà Nội (2012), Bài giảng Huyết học - Truyền máu, Nhà xuất bản Y học.
11. Viện Huyết học Truyền máu Trung ương (2014), Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh máu, Nhà xuất bản Y học.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;

- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Giải phẫu học**

Mã học phần: THSNGO1904

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

Thông tin giảng viên: TS. Vũ Duy Tùng; ĐT: 0918058488

Email:

Danh sách giảng viên:

1. TS. Vũ Duy Tùng
2. Ths. Nguyễn Văn Minh
3. Ths. Lê Minh Tiến
4. Ths. Nguyễn Trung Nghĩa
5. Ths. Đinh Sỹ Mạnh

II. Mô tả học phần

Giải phẫu người là môn học nghiên cứu về hình thái, cấu trúc của các cơ quan, cấu trúc của cơ thể người. Nghiên cứu các ứng dụng lâm sàng phù hợp.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Mô tả hình thái, cấu trúc các cơ quan thuộc chuyên ngành	PEO 2
2	Phân tích các ứng dụng lâm sàng phù hợp với từng cấu trúc	PEO 2, PEO 8

3	Nhận biết được các cơ quan, cấu trúc trên mô hình, tiêu bản	PEO 2, PEO 8
---	---	--------------

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO1904	Giải phẫu học	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

Bài	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1.	Giải phẫu thành bụng, thành ngực	3	6
2.	Giải phẫu ống bẹn, phúc mạc	2	4
3.	Giải phẫu mạch máu các tạng trong ổ bụng	2	4
4.	Giải phẫu phân thủy các tạng gan, lách, thận	2	4
5.	Giải phẫu hệ tiết niệu	2	4
6.	Giải phẫu manh tràng, trực tràng, hậu môn và đáy chậu	2	4
7.	Giải phẫu màng mạch não tủy	2	4
Tổng		15	30

Bài 1 : Thành ngực, thành bụng

- Mô tả cấu tạo của các khoang gian sườn, gồm cơ, mạch máu
- Mô tả các cơ và mạch máu vùng thành bụng

Bài 2 : Ống bẹn, phúc mạc

1. Mô tả cấu tạo của ống bẹn và phân chia ổ bụng theo phúc mạc.
2. Phân tích một số ứng dụng giải phẫu trong phẫu thuật vào ống bẹn và sự lan tràn dịch viêm trong ổ bụng.

Bài 3 : Mạch máu trong ổ bụng

1. Trình bày nguyên ủy, đường đi, và liên quan của động mạch thân tạng, động mạch mạc treo tràng trên và tràng dưới.
2. Phân tích một số biến đổi giải phẫu động mạch nuôi dưỡng các tạng.

Bài 4. Phân thù các tạng

1. Trình bày được sự phân chia phân thù các tạng theo đường mạch máu
2. Phân tích các ứng dụng lâm sàng trong phẫu thuật cắt bỏ bán phần các tạng

Bài 5. Phân thù các tạng

1. Mô tả mạc thận và liên quan của thận, qua đó phân tích một số ứng dụng liên quan đến mạc thận
2. Trình bày liên quan của niệu quản, niệu đạo và bàng quang

Bài 6. Đáy chậu, trực tràng

1. Trình bày cấu tạo các lớp cơ và mạc đáy chậu
2. Trình bày cấu trúc của trực tràng, ống hậu môn, các mạch máu và các ứng dụng phù hợp

Bài 7. Màng mạch não tủy

1. Mô tả vị trí, cấu tạo của các màng não, màng tủy
2. Trình bày các mạch máu nuôi dưỡng cho màng não, màng tủy

V. Tài liệu học tập

1. Trịnh Văn Minh, (2009). Hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ sinh dục. Giải phẫu người, Tập 2, Nhà xuất bản y học.
2. Trịnh Văn Minh, (2011). Hệ thần kinh. Giải phẫu người, Tập 2, NXB Y học.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Trường Đại học Y khoa Hà Nội (1998), Chuyên đề giải phẫu, Tài liệu giảng dạy cho đối tượng sau đại học.
2. Nguyễn Quang Quyền (1992), Bài giảng Giải phẫu học tập I, II, Trường Đại học Y - Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;

- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Chẩn đoán hình ảnh**

Mã học phần: THSNGO1905

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết – 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh

Thông tin giảng viên: TS. Nguyễn Ngọc Trung; ĐT: 0912877762

Email:

Danh sách giảng viên:

1. TS. Nguyễn Ngọc Trung
2. TS. Hoàng Văn Lương
3. BSKII. Phan Kế Toại
4. Ths. Đặng Trung Hiếu

II. Mô tả học phần

Chẩn đoán hình ảnh là môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chẩn đoán bằng hình ảnh cho các bác sỹ nói chung và những kiến thức hình ảnh liên quan đến chẩn đoán trong Ngoại khoa, trên cơ sở đó bác sỹ ngoại khoa có khả năng thực hành chẩn đoán chính xác trong công tác điều trị. Ngoài ra Chẩn đoán hình ảnh giúp các nhà Ngoại khoa can thiệp những kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán và can thiệp thủ thuật điều trị.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	- Đọc được các tổn thương cơ bản trên phim ở các bệnh hay gặp trong lâm sàng	PEO 2

2	- Chẩn đoán được các tổn thương cơ bản trên phim ở các bệnh hay gặp trong lâm sàng	PEO 2, PEO 8
---	--	--------------

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO1905	CDHA	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Chẩn đoán hình ảnh cấp cứu bụng	4	6
2	Chẩn đoán hình ảnh chấn thương bụng kín	4	6
3	Chẩn đoán hình ảnh hệ thần kinh TU, cơ xương khớp - Xquang thường quy - Chụp cắt lớp vi tính - Chụp cộng hưởng từ	4	6
4	Cemina, thảo luận ca bệnh điển hình	3	12
5	Học viên tự đọc thêm về chẩn đoán hình ảnh bộ máy tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu		
	Tổng cộng	15	30

Đề cương môn học:

Bài 1. Chẩn đoán hình ảnh cấp cứu bụng.

Số tiết học 10 (4LT, 6TH)

1. Các kỹ thuật hình ảnh
2. Các bệnh lý thường gặp

Bài 2. Chẩn đoán hình ảnh chấn thương bụng kín *Số tiết học 10 (4LT, 6TH)*

1. Các kỹ thuật hình ảnh
2. Các loại tổn thương
3. Phân độ chấn thương bụng kín

Bài 3. Chẩn đoán hình ảnh TKTU, cơ xương khớp *Số tiết học 10 (4LT, 6TH)*

1. Phương pháp thăm khám chẩn đoán hình ảnh
2. Các bệnh lý xương khớp trên hình ảnh (chấn thương, nhiễm khuẩn, u hay gãy)
3. Tiếp cận hình ảnh học sọ não

Bài 4. Cefina, thảo luận ca bệnh trên siêu âm và chụp CLVT

Số tiết học 15 (3LT, 12TH)

1. Tổng quan về chỉ định chụp CLVT ổ bụng, phương pháp nhận định hình ảnh CLVT
2. Phân tích hình ảnh học sọ não
3. Phân tích nhận định hình ảnh cấp cứu bụng

V. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Duy Huê, Phạm Minh Thông (2011). Bài giảng chẩn đoán hình ảnh. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
2. Đại học Y dược Thái Bình (2015). Bài giảng chẩn đoán hình ảnh sau đại học. Lưu hành nội bộ

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Ngọc Hoa, Lê Văn Phước (2007). Bài giảng chẩn đoán X- Quang. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phạm Ngọc Hoa, Lê Văn Phước (2009). X- Quang ngực. Nhà xuất bản Y học thành phố Hồ Chí Minh.
3. Jacques Clarisse, Phạm Ngọc Hoa, Nguyễn Phi Hùng (2008). Hình ảnh học sọ não. Nhà xuất bản Y học thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Phước Bảo Quân (2014). Siêu âm tổng quát. Nhà xuất bản Y học Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Micheal P. Federle and etc (2010), Diagnostic imaging Abdomen. Compilation © 2010 Amyrsis Publicsing, Inc.

6. Erskine J. Holmes and etc (2004). A-Z Emergency of Radiology. © Greenwich Medical Media Ltd 2004

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.

- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Phục hồi chức năng**

Mã học phần: THSNGO1906

Số tín chỉ: 02 (1/1) = 15 tiết lý thuyết – 30 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Phục hồi chức năng

Thông tin giảng viên: TS. Phạm Thị Tinh; ĐT: 0912877762

Email:

Danh sách giảng viên:

1. TS. Phạm Thị Tinh
2. Ths. Nguyễn Thị Duyên

II. Mô tả học phần

Môn học Phục hồi chức năng nhằm chuẩn bị cho học viên một số kiến thức cơ bản về vật lý trị liệu và phục hồi chức năng để đáp ứng trong công tác khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được khái niệm, mục đích, các hình thức và kỹ thuật phục hồi chức năng	PEO 2
2	Trình bày được quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa	PEO 2, PEO 8
3	Trình bày được các thương tật thứ cấp thường gặp	PEO 2, PEO 8
4	Trình bày được khái niệm, tác dụng sinh lý và ứng dụng điều trị của các phương pháp vật lý trị liệu	PEO 2, PEO 8
5	Trình bày được mục đích và các hình thức vận động trị liệu, xoa bóp trị liệu	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO1906	Phục hồi chức năng	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

STT	Tên bài	Số tiết	
		LT	TH
1	Phục hồi chức năng	2	4
2	Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa tàn tật	2	4
3	Các thương tật thứ cấp thường gặp	3	4
4	Các phương pháp vật lý trị liệu	4	6
5	Vận động trị liệu	2	6
6	Xoa bóp trị liệu	2	6
	Tổng cộng	15	30

Bài 1: Phục hồi chức năng

Số tiết học 2(2,0)

1. Đại cương
2. Khái niệm
3. Mục đích của phục hồi chức năng
4. Các kỹ thuật phục hồi chức năng
5. Các hình thức phục hồi chức năng

Bài 2: Quá trình tàn tật và các biện pháp phòng ngừa tàn tật

Số tiết học 4(2,2)

1. Đại cương

2. Bệnh lý và quá trình tàn tật
3. Chiến lược phòng ngừa tàn tật
4. Dịch tễ học tàn tật

Bài 3: Các thương tật thứ cấp thường gặp

Số tiết học 5(3,2)

1. Đại cương
2. Teo cơ, co rút cơ
3. Loét do đè ép
4. Loãng xương
5. Các tổn thương khác: nhiễm trùng phổi, nhiễm trùng tiết niệu

Bài 4. Các phương pháp vật lý trị liệu

Số tiết học 7(4,3)

1. Đại cương
2. Các yếu tố vật lý ứng dụng trong điều trị
3. Các tác dụng chính trong điều trị vật lý

Bài 5. Vận động trị liệu

Số tiết học 5(2,3)

1. Đại cương
2. Mục đích của vận động trị liệu
3. Các yếu tố liên quan đến vận động trị liệu
4. Các hình thức vận động trị liệu

Bài 6: Xoa bóp trị liệu

Số tiết học 5(2,3)

1. Đại cương
2. Các hiệu quả sinh lý của xoa bóp
3. Kỹ thuật xoa bóp cơ bản
4. Chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp

V. Tài liệu học tập

Trường Đại học Y Dược Thái Bình, *Bài giảng phục hồi chức năng Sau đại học*
(lưu hành nội bộ)

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng (1995), NXB Y học.
2. Bài giảng Vật lý trị liệu – phục hồi chức năng (2003), NXB Y học.
3. Vận động trị liệu (2010), NXB Giáo dục Việt Nam.

4. Các phương thức điều trị bằng vật lý (2010), NXB Giáo dục Việt Nam.

5. Lượng giá chức năng hệ vận động (2010), NXB Giáo dục Việt Nam.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 54 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.

- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Cấp cứu Ngoại khoa tổng quát và Ngoại khoa cơ bản**

Mã học phần: THSNGO-2801

Số tín chỉ: $6 (2/4) = 30$ tiết lý thuyết và 120 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email: cuongpv@tbump.edu.vn

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. PGS.TS. Vũ Sơn | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. BSKKII. Nguyễn Văn Chiếu |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Phẫu thuật Cấp cứu ngoại bụng là môn học trang bị cho người học những kiến thức ngoại khoa cơ bản để chẩn đoán và điều trị những bệnh lý Cấp cứu ngoại

2. Thực hành

Người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý cấp cứu ngoại bụng, có khả năng xử lý tình huống cấp cứu ở bất cứ điều kiện nào.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được chẩn đoán và những nguyên tắc cơ bản trong cấp cứu ngoại khoa.	PEO 1,PEO 3

2	Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến.	PEO1 , 3, 4, 5,6,10,11,12
3	Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu các bệnh lý ổ bụng.	PEO 7,9,10,11,12

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs THẠC SĨ Nội
Kiến thức		
CLO1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị cấp cứu ngoại khoa	PLO1,3,5, 15
CLO2	Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến.	PLO1,3,4,5, 15
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu các bệnh lý ổ bụng.	PLO6,7,8,14, 15
CLO4	Báo cáo ca bệnh, hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	PLO9,10,11,12, 13,14, 15
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thái độ xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến, theo dõi, đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh, cải thiện chất lượng điều trị	PLO6,7,9,10, 13,14, 15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2801	Cấp cứu Ngoại khoa tổng quát và Ngoại khoa cơ bản	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1.	Tắc ruột	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
2.	Tai biến và biến chứng mổ cắt đoạn dạ dày	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
3.	Thủng dạ dày	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
4.	Thoát vị bẹn nghẹt	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
5.	Chạm thương bụng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
6.	Hẹp môn vị	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
7.	Xoắn đại tràng Sigma	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
8.	Viêm ruột thừa cấp	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
9.	Chảy máu do loét dạ dày tá tràng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
10.	Chảy máu đường mật: Chẩn đoán và điều trị	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
11.	Hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1

12.	Viêm phúc mạc	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
13.	Áp xe tồn dư	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
14.	Viêm tụy cấp	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
15.	Vết thương bụng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
16.	Vết thương trực tràng - hậu môn	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
17.	Sốc chấn thương	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
18.	Sốc nhiễm trùng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
19.	Vết thương mạch máu ngoại vi	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
20.	Rối loạn đông máu ngoại khoa	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
Tổng		30		

2. Thực hành

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Mở VRT cấp điển hình người lớn	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
2	Mở nội soi VRT cấp điển hình	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
3	Mở thoát vị bẹn thường và nghẹt	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
4	Mở viêm phúc mạc	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
5	Mở cấp cứu vỡ ruột non	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
6	Mở tắc ruột	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
7	Mở cấp cứu vỡ gan	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5

8	Mổ cấp cứu vỡ lách	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
9	Mổ mở khâu lỗ thủng dạ dày	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
10	Mổ nội soi khâu lỗ thủng dạ dày	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
11	Mổ cắt đoạn dạ dày chảy máu	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
12	Mổ nối vị tràng	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
13	Mổ áp xe cạnh hậu môn	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
14	Mổ vết thương phần mềm	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
15	Mổ vết thương mạch máu	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
16	Mổ Áp xe tồn dư	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
17	Mổ chảy máu trong ổ bụng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
18	Mổ biến chứng cấp tính ối ống mật chủ	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
19	Mổ cắt nối đoạn ruột	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
20	Làm hậu mô nhâ tạo	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ	CLO2, 3,4,5
	TỔNG	120		

V. Tài liệu học tập

Trường Đại Y Thái Bình (2021), *Bài giảng Ngoại khoa sau đại học*.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Học viện quân y (1992), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau đại học*, Tập 1.
2. Trường Đại học y khoa Hà Nội (1984), *Ngoại khoa-Bổ túc sau đại học*, Tập 1
Nhà xuất bản y học 1993
3. Học viện quân Y (1993), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau Đại học*, tập 2.
4. *Bệnh học ngoại (Bụng)*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

5. William B. Cerebral abcess Br J. Newrosung 1990.

6. Kett P.C.Cranial intradural abscess management of 642 patients during the 35 years from 1952-1986 Brit J. newrosurg 1990.

7. Bravov D.L. Complication and sequelae of head injury 1992.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện
- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường
- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại bệnh viện Trường và BV Đa khoa tỉnh.

2. Phương pháp học tập

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học lý thuyết tại trường do Nhà trường quy định).

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1 * CC + 0,2 * GHP + 0,7 * CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học

- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.

- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.

- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.

- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh

- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu

- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi

- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút

- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 7 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Chấn thương chỉnh hình**

Mã học phần: THSNGO-2802

Số tín chỉ: 04 (2/2) = 30 tiết lý thuyết và 60 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chấn thương

Thông tin giảng viên: PGS.TS. Vũ Minh Hải; ĐT: 0933018018

Email:

Danh sách giảng viên:

1. PGS.TS. Vũ Minh Hải
2. TS. Nguyễn Thế Điệp
3. TS. Nguyễn Văn Ngẫu
4. BSKII. Nguyễn Văn Dũng

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Chấn thương chỉnh hình là môn học rất cần thiết trong lĩnh vực ngoại khoa. Trong điều kiện hiện nay khi đất nước càng phát triển thì các chấn thương do tai nạn ngày một gia tăng, tổn thương ngày càng phức tạp đòi hỏi phải chẩn đoán đúng và điều trị kịp thời. Mặt khác phải phát triển các kỹ thuật điều trị về chấn thương chỉnh hình để cứu chữa người bệnh phục hồi ở mức độ tốt nhất về giải phẫu, chức năng và thẩm mỹ, đáp ứng được ngày càng cao nhu cầu của người bệnh.

Trong thời gian học đại học, sinh viên đã được trang bị một số kiến thức cơ bản về chẩn đoán, sơ cứu, cấp cứu ban đầu bệnh nhân chấn thương. Trong quá trình đào tạo thạc sĩ, học viên sẽ được trang bị thêm những kiến thức về chấn thương chỉnh hình chưa được học và những kiến thức nâng cao về lĩnh vực này.

2. Thực hành

Ngoại Chấn thương là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý chấn thương cơ xương khớp để người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý và xử trí những trường hợp cấp cứu

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Kiến thức: Nắm được những nguyên tắc cơ bản trong cấp cứu ngoại khoa Chấn thương chỉnh hình. Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng. Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu các bệnh lý CTCH	PEO 2
2	Kỹ năng: Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu chấn thương chỉnh hình Thực hiện được phẫu thuật kết hợp xương cơ bản	PEO 2, PEO 8
3	Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực trong việc học lý thuyết và các thao tác thực hành tại phòng khám, phòng mổ trong lúc khám và điều trị bệnh nhân tại bệnh viện. Đưa ra các quyết định về điều trị, chăm sóc và thực hiện những can thiệp y tế cho người bệnh một cách an toàn và hiệu quả.	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ BSNT ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 13	PLO 14
THSNGO-2802	Ngoại Chấn thương chỉnh hình	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Các phương pháp điều trị gãy xương: Bảo tồn; Kết hợp xương	2	- Điều trị bảo tồn: - Điều trị phẫu thuật	
2	Ghép xương	2	- Nguồn gốc xương ghép - Điều kiện, chỉ định ghép xương - Các phương pháp ghép xương	
3	Chẩn đoán và điều trị gãy xương hở	4	Phân loại gãy xương hở Chẩn đoán gãy xương hở Điều trị gãy xương hở: Đến sớm, đến muộn Biến chứng	
4	Chẩn đoán và điều trị vết thương xương khớp	2	Chẩn đoán: Điều trị:	
5	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay	2	Chẩn đoán các thương tổn trong vết thương bàn tay Điều trị:	
6	Chẩn đoán và điều trị gãy khung chậu	2	Phân loại gãy khung chậu Chẩn đoán gãy khung chậu Các biến chứng gãy khung chậu Điều trị gãy khung chậu	
7	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đòn	1	Đặc điểm: Giải phẫu, chức năng Phân loại Chẩn đoán gãy xương đòn Điều trị gãy xương đòn	
8	Chẩn đoán và điều trị gãy cánh tay	1	Đặc điểm Chẩn đoán	

			Biến chứng Điều trị	
9	Chẩn đoán và điều trị sai khớp vai, khớp háng, khớp khuỷu	2	Sai khớp vai: Sai khớp khuỷu: Sai khớp háng: Chẩn đoán các thể sai khớp háng Điều trị Sai khớp háng đến sớm và đến muộn.	
10	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi	2	Chẩn đoán các thể gãy cổ xương đùi Điều trị gãy cổ xương đùi:	
11	Chẩn đoán và điều trị u xương	4	Phân loại U xương Chẩn đoán và điều trị U xương lành tính Chẩn đoán và điều trị U xương ác tính	
12	Chẩn đoán và điều trị viêm xương	2	Viêm xương tủy cấp truyền bằng đường máu: Đặc điểm, chẩn đoán và điều trị Viêm xương tủy cấp sau chấn thương: Nguyên nhân, chẩn đoán và điều trị Viêm xương tủy mạn tính thứ phát: Nguyên nhân, chẩn đoán và điều trị	
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng bàn tay	2	Chẩn đoán các thể lâm sàng nhiễm trùng bàn tay Điều trị: Nguyên tắc, kỹ thuật	
14	Dị tật bẩm sinh cơ quan vận động	2	Nguyên nhân Chẩn đoán các dị tật bẩm sinh thường gặp Điều trị các dị tật bẩm sinh thường gặp	
	Tổng	30		

2. Thực hành

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Các phương pháp điều trị gãy xương: Bảo tồn; Kết hợp xương	4	- Nguyên tắc điều trị - Các phương pháp điều trị	
2	Ghép xương	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
3	Chẩn đoán và điều trị gãy xương hở	12	- Nguyên tắc điều trị - Các phương pháp điều trị gãy xương hở	
4	Chẩn đoán và điều trị vết thương xương khớp	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
5	Chẩn đoán và điều trị vết thương bàn tay	4	- Nguyên tắc điều trị - Các phương pháp khâu nối gân - Các phương pháp KHX	
6	Chẩn đoán và điều trị gãy khung chậu	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
7	Chẩn đoán và điều trị gãy xương đòn	2	- Phương pháp phẫu thuật	
8	Chẩn đoán và điều trị gãy cánh tay	2	- Phương pháp phẫu thuật	
9	Chẩn đoán và điều trị sai khớp vai, khớp háng, khớp khuỷu	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
10	Chẩn đoán và điều trị gãy cổ xương đùi	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
11	Chẩn đoán và điều trị u xương	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	

12	Chẩn đoán và điều trị viêm xương	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm trùng bàn tay	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
14	Dị tật bẩm sinh cơ quan vận động	4	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
	Tổng	60		

V. Tài liệu học tập

1. Nguyễn Đức Phúc, Nguyễn Trung Sinh, Nguyễn Xuân Thùy, Ngô Văn Toàn (2013) , Chấn thương chỉnh hình, NXB Y học
2. Bộ môn Ngoại, trường đại học Y Hà Nội (2020) Bệnh học ngoại khoa Chấn thương chỉnh hình, NXB Y học

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Chấn thương, Trường đại học Y Thái Bình (2023) Các kỹ thuật kết hợp xương cơ bản, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Trần Trung Dũng (2020) Chẩn đoán gãy xương trật khớp chi trên, NXB Y học
3. Trần Trung Dũng (2020) Chẩn đoán gãy xương trật khớp chi dưới, NXB Y học
4. Ngô Văn Toàn (2020) Chấn thương Khuyết ở trẻ em, NXB Y học
5. Campbells Operative Orthopaedics 11th ed
6. Học viện Quân y (2002), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau đại học*, tập 1.
7. Học viện Quân y (2002), *Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau đại học*, tập 2.
8. Bộ môn Chấn thương chỉnh hình Học viện Quân Y (2006), *Bệnh học chấn thương chỉnh hình*, Nhà xuất bản Quân đội.
9. Học Viện Quân y, *Bài giảng Phẫu thuật thực hành*.
10. Nguyễn Trung Sinh và các tác giả (2004), *Chấn thương chỉnh hình*, NXB Y học.
11. Bùi Văn Đức (2004), *Chấn thương chỉnh hình chi trên*, NXB Lao động xã hội.
12. Bùi Văn Đức (2010), *Chấn thương chỉnh hình chi dưới*, NXB Lao động xã hội.
13. Lê Đức Tổ (1993), *Tật bẩm sinh ở cơ quan vận động, Nguyên nhân, phương*

pháp phòng ngừa và điều trị, Nhà xuất bản Y học.

14. Chỉnh hình bàn chân khoèo – Bùi Văn Đức – NXB thể dục thể thao 2009

15. Chấn thương học vùng háng – Lê Phúc – NXB Y học 2006

16. C. A. Rockwood, K.E. Wilkins, J.H. Beaty. Fractures in Children

17. T.P Ruedi W. M Murphy. AO Principles of Fracture Management

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 7 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Tiết niệu**

Mã học phần: THSNGO-2803

Số tín chỉ: $4 (2/2) = 30$ tiết lý thuyết và 600 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email:

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. PGS.TS. Vũ Sơn | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. BSKKII. Nguyễn Văn Chiếu |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Phẫu thuật tiết niệu là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý tiết niệu

2. Thực hành

Người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý tiết niệu

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật và điều trị một số bệnh lý về ngoại khoa tiết niệu.	PLO1,3,5, 15

2	Trình bày những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý tiết niệu	PLO1,3,4,5, 15
3	Thực hiện được một số phẫu thuật về tiết niệu	PEO 2, PEO 8

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý tiết niệu	PLO6,7,8,14, 15
CLO2	Vận dụng những kiến thức cập nhật trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh	PLO1,3,4,5, 15
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện được một số phẫu thuật tiết niệu	PLO6,7,8,14, 15
CLO4	Báo cáo ca bệnh, hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	PLO9,10,11,12, 13,14, 15
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thái độ xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến, theo dõi, đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh, cải thiện chất lượng điều trị	PLO6,7,9,10, 13,14, 15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2803	Ngoại Tiết niệu	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Sỏi niệu quản	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
2	Sỏi thận	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
3	Sỏi bàng quang. Biến chứng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
4	Sỏi niệu đạo. Biến chứng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
5	Các biến chứng của sỏi niệu quản	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
6	Biến chứng tiết niệu do vỡ xương chậu	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
7	Dập niệu đạo trước	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
8	Đứt niệu đạo sau	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
9	Ung thư thận	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
10	Ung thư bàng quang	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
11	U phôi đại lành tính tuyến tiền liệt	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1

12	Ung thư tuyến tiền liệt	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
13	Dị tật bẩm sinh đường tiết niệu	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
14	Chấn thương thận	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
15	Dị tật lỗ đái thấp	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
16	Niệu quản đôi	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
17	Xoắn tinh hoàn	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
18	Tràn dịch màng tinh hoàn	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
19	Nang nước thừng tinh	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
	TỔNG	30		

2. Thực hành

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	PT Sỏi niệu quản	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
2	PT Sỏi thận	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
3	PT Sỏi bàng quang. Biến chứng	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
4	PT Sỏi niệu đạo. Biến chứng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
5	PT Ung thư thận	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
6	PT Ung thư bàng quang	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
7	PT U phì đại lành tính tuyến tiền liệt	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5

8	PT Ung thư tuyến tiền liệt	8	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
9	PT Trần dịch màng tinh hoàn	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
10	PT Nang nước thừng tinh	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
	TỔNG	60		

V. Tài liệu học tập

Trường Đại Y Thái Bình (2021), *Bài giảng Ngoại khoa sau đại học*.

VI. Tài liệu tham khảo:

- Học viện quân y (1992), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau đại học*, Tập 1.
 - Trường Đại học y khoa Hà Nội (1984), *Ngoại khoa-Bổ túc sau đại học*, Tập 1 Nhà xuất bản y học 1993
 - 1. Học viện quân Y (1993), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa sau Đại học*, tập 2.
 - 2 *Bệnh học ngoại (Bụng)*, Nhà xuất bản y học Hà Nội.
 - 3. *Bệnh học ngoại (Ngực)* (1986), Nhà xuất bản y học 1987.
 - 4. Medical physiologic. Ganong U.F. 1989.
 - 5. William B. Cerebral abcess Br J. Newrosung 1990.
 - 6. Kett P.C.Cranial intradural abscess management of 642 patientsduring the 35 years from 1952-1986 Brit J. newrosurg 1990.
 - 7. Bravov D.L. Complication snd sequelac of head injury 1992.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện
- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường
- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại bệnh viện Trường và BV Đa khoa tỉnh.

2. Phương pháp học tập

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học lý thuyết tại trường do Nhà trường quy định).

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1 * CC + 0,2 * GHP + 0,7 * CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Tiêu hoá – Gan mật**

Mã học phần: THSNGO-2804

Số tín chỉ: 04 (2/2) = 30 tiết lý thuyết và 60 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email: cuongpv@tbump.edu.vn

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. TS. Trần Thái Phúc | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. BSKKII. Nguyễn Văn Chiếu |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Phẫu thuật tiêu hóa là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý Ngoại khoa tiêu hóa -gan mật.

2. Thực hành

Có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý Ngoại khoa tiêu hóa – Gan mật.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật và điều trị một số bệnh lý về ngoại khoa tiêu hóa – gan mật.	PLO1,3,5, 15

2	Trình bày những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý tiêu hóa- gan mật	PLO1,3,4,5, 15
3	Thực hiện được một số phẫu thuật về tiêu hóa-gan mật	PEO 2, PEO 8

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý tiêu hóa- gan mật	PLO6,7,8,14, 15
CLO2	Vận dụng những kiến thức cập nhật trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh	PLO1,3,4,5, 15
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện được một số phẫu thuật tiêu hóa- gan mật	PLO6,7,8,14, 15
CLO4	Báo cáo ca bệnh, hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	PLO9,10,11,12, 13,14, 15
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thái độ xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến, theo dõi, đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh, cải thiện chất lượng điều trị	PLO6,7,9,10, 13,14, 15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2804	Ngoại Tiêu hoá – Gan mật	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Ung thư thực quản	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
2	Co thắt tâm vị	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
3	Các phương pháp điều trị ngoại khoa loét dạ dày - tá tràng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
4	Ung thư dạ dày	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
5	Các biến chứng sau cắt đoạn dạ dày	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
6	Ung thư đại tràng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
7	Ung thư trực tràng	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
8	Hậu môn nhân tạo và các biến chứng của hậu môn nhân tạo	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
9	Thoát vị bẹn, đùi	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
10	Các di chứng thành bụng sau mổ	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
11	Trĩ	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1

12	Áp xe gan	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
13	Sa trực tràng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
14	Rò hậu môn	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
15	Thoát vị thành bụng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
16	Ung thư gan nguyên phát.	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
17	Ung thư đường mật.	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
18	Sỏi mật và biến chứng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
19	Viêm túi mật	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
20	Ung thư tụy ngoại tiết	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
21	Nang tụy	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
	Tổng số	30		

2. Thực hành

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	PT Ung thư thực quản	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
2	PT cắt 2/3 dạ dày	6	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
3	Nạo vét hạch trong ung thư dạ dày	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
4	PT Ung thư dạ dày	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
5	PT cắt toàn bộ dạ dày	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5

6	PT Ung thư đại tràng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
7	PT Ung thư trực tràng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
8	Hậu môn nhân tạo	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
9	PT Thoát vị bẹn, đùi	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
10	Các di chứng thành bụng sau mổ	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
11	Trĩ	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
12	Áp xe gan	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
13	Sa trực tràng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
14	Rò hậu môn	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
15	Thoát vị thành bụng	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
16	Ung thư gan nguyên phát.	4	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
17	Ung thư đường mật.	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
18	Sỏi mật và biến chứng	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
19	Viêm túi mật	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
20	Ung thư tụy ngoại tiết	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
21	Nang tụy	2	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
	TỔNG	60		

V. Tài liệu học tập

Trường Đại Y Thái Bình (2021), *Bài giảng Ngoại khoa sau đại học*.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Học viện Quân Y (1992), *Bài giảng Bệnh học ngoại khoa Sau Đại học*, Tập 1, 2.
2. Trường Đại học y khoa Hà Nội (1984), *Ngoại khoa Bồ túc sau đại học*, Tập 1, Nhà xuất bản y học (1993- 1994).
3. *Bệnh học ngoại (Bụng)*(1986), Nhà xuất bản y học Hà Nội.
4. *Bệnh học ngoại (Ngực)*(1987), Nhà xuất bản y học Hà Nội.
5. Cope D. Laugohg J. Moore F.D Expedition care of full thickness burn wounds by surgical excision and grafting 1987.
6. Hugo Fcarvaial. Dorald H. parks burn in children: pediatric burn management 1988

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện
- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường
- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại bệnh viện Trường và BV Đa khoa tỉnh.

2. Phương pháp học tập

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học lý thuyết tại trường do Nhà trường quy định).

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- **Điểm chuyên cần (CC):**

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- **Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)**

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- **Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết**

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Thần kinh sọ não**

Mã học phần: THSNGO-2805

Số tín chỉ: 03 (1/2) = 15 tiết lý thuyết và 60 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Bắt buộc

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chấn thương

Thông tin giảng viên: PGS.TS. Vũ Minh Hải; ĐT: 0933018018

Email:

Danh sách giảng viên:

1. PGS.TS. Vũ Minh Hải
2. TS. Nguyễn Thế Điệp
3. TS. Nguyễn Văn Ngẫu
4. BSCKII. Nguyễn Văn Dũng

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Bệnh lý và chấn thương sọ não, cột sống là tổn thương cần được chẩn đoán sớm và điều trị kịp thời. Ngoại thần kinh là môn học trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản để chẩn đoán, điều trị bệnh nhân chấn thương và bệnh lý ở sọ não, cột sống nhằm nâng cao tỷ lệ cứu sống bệnh nhân, hạn chế di chứng.

2. Thực hành

Học phần Ngoại Thần kinh trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về bệnh học Ngoại thần kinh, giúp học viên có thể chẩn đoán, điều trị và tiên lượng cho những bệnh Ngoại Thần kinh thường gặp. Học viên có thể thực hiện được những thăm khám thủ thuật và phẫu thuật cơ bản trong chuyên ngành Ngoại thần kinh.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Kiến thức: Nắm được những nguyên tắc cơ bản trong chẩn đoán và điều trị các trường hợp chấn thương và bệnh lý sọ não, cột sống. Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng. Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu Ngoại Thần kinh	PEO 2
2	Kỹ năng: Thực hiện được một số thủ thuật, phẫu thuật trong xử trí cấp cứu chấn thương và bệnh lý Ngoại Thần kinh	PEO 2, PEO 8
3	Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực trong việc học lý thuyết và các thao tác thực hành tại phòng khám, phòng mổ trong lúc khám và điều trị bệnh nhân tại bệnh viện. Đưa ra các quyết định về điều trị, chăm sóc và thực hiện những can thiệp y tế cho người bệnh một cách an toàn và hiệu quả.	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ BSNT ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 13	PLO 14
THSNGO-2805	Ngoại Thần kinh sọ não	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não kín	4	- Đại cương: Tầm quan trọng - Khám phân loại Chấn thương sọ não - Chẩn đoán chấn thương sọ não - Phẫu thuật chấn thương sọ não - Tiên lượng	
2	Chẩn đoán và điều trị vết thương sọ não	3	- Đại cương - Chẩn đoán vết thương sọ não - Điều trị vết thương sọ não đến sớm - Điều trị vết thương sọ não đến muộn	
3	Hội chứng chèn ép tủy	4	- U tủy, u não - Thoát vị đĩa đệm	
4	Chẩn đoán và điều trị gãy cột sống	4	- Phân loại - Gãy cột sống không liệt tủy - Gãy cột sống có liệt tủy	
	Cộng	15		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Chẩn đoán và điều trị chấn thương sọ não kín	16	- Khám phân loại Chấn thương sọ não - Thái độ xử trí CTSN nặng - Phẫu thuật một số cấp cứu CTNS	
2	Chẩn đoán và điều trị vết thương sọ não	12	- Chẩn đoán vết thương sọ não - Điều trị vết thương sọ não đến sớm - Điều trị vết thương sọ não đến muộn	
3	Hội chứng chèn ép tủy	16	- Phân loại - Chẩn đoán	

			- Điều trị	
4	Chẩn đoán và điều trị gãy cột sống	16	- Phân loại - Điều trị gãy cột sống không liệt tủy - Điều trị gãy cột sống có liệt tủy	
	Tổng	60		

V. Tài liệu học tập

1. Bộ môn Chấn thương Trường Đại học Y Thái Bình (2003). Bài giảng chấn thương chỉnh hình. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội
2. Đặng Hanh Đệ (2017) Cấp cứu ngoại khoa tập 1,2 NXB Y học
3. Bộ môn Ngoại, Trường đại học Y Hà Nội (2020) Bệnh học Ngoại khoa Chấn thương Chỉnh Hình phần cột sống , NXB Y học

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn Phẫu thuật thần kinh Học viện Quân Y (2003), *Phẫu thuật thần kinh*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
2. Cấp cứu ngoại khoa thần kinh. Nhà xuất bản y học, Hà Nội, năm 2005.
3. Bài giảng bệnh học ngoại khoa tập 1, tập 2. Nhà xuất bản y học, Hà Nội, năm 2006
4. Bài giảng bệnh học ngoại khoa sau đại học tập 1, tập 2. Nhà xuất bản quân đội nhân dân, năm 2002.
5. Lý Ngọc Liên, Đồng Văn Hệ *Chấn thương sọ não* NXB Y học 2013
6. Kiều Đình Hùng, *Phẫu thuật thần kinh*, Nhà xuất bản Y học 2013
7. Võ Văn Nho- Võ Tấn Sơn, *Phẫu thuật thần kinh*, NXB Y Học 2013
8. *Chấn thương sọ não*, Nhà xuất bản Y học. 2006
9. Lê Xuân Trung (1982), *Vết thương sọ não và Chấn thương sọ não ở trẻ em*, Nhà xuất bản Y học.
10. Neurotrauma: Management of severe head injury prof Peter reilly leanic itter in the Vietnam-australit on conference neurosengery.
11. Acurren perspective on brain abscess. Mattheu me donall royal adelaide hospital.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.

- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Nhi**

Mã học phần: NTNGO-2805

Số tín chỉ: 04 (1/3) = 15 tiết lý thuyết và 90 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email: cuongpv@tbump.edu.vn

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. TS. Trần Thái Phúc | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. BSKKII. Nguyễn Văn Chiếu |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Ngoại nhi là môn học trang bị cho bác sĩ Ngoại khoa những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý ngoại khoa cho trẻ em

2. Thực hành

Thực hiện được những kỹ thuật chẩn đoán và phương pháp điều trị tiên tiến để nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhi

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật và điều trị một số bệnh lý về ngoại nhi.	PLO1,3,5, 15

2	Trình bày những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ngoại Nhi	PLO1,3,4,5, 15
3	Thực hiện được một số phẫu thuật về ngoại nhi	PEO 2, PEO 8

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Ngoại nhi	PLO6,7,8,14, 15
CLO2	Vận dụng những kiến thức cập nhật trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh	PLO1,3,4,5, 15
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện được một số phẫu thuật Ngoại nhi	PLO6,7,8,14, 15
CLO4	Báo cáo ca bệnh, hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	PLO9,10,11,12, 13,14, 15
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thái độ xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến, theo dõi, đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh, cải thiện chất lượng điều trị	PLO6,7,9,10, 13,14, 15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2901	Ngoại Nhi	M	M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Viêm phúc mạc bào thai và sơ sinh	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
2	Giun chui ống mật	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
3	Hẹp phì đại môn vị	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
4	To đại tràng bẩm sinh	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
5	Dị tật hậu môn trực tràng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
6	Tắc ruột sơ sinh	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
7	Lồng ruột ở nữ nhi	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
8	Tắc tá tràng	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
9	Viêm ruột thừa cấp tính	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
10	Áp xe gan do giun đũa lên đường mật	1	Cập nhật những tiến bộ trong	CLO1

			chẩn đoán và điều trị	
11	Thoát vị hoành	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
12	Viêm ruột hoại tử	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
13	Viêm ruột thừa ở trẻ em	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
14	Tắc ruột do giun, do bã thức ăn	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
15	Dị tật bẹn bìu	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
	Tổng số	15		

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	PT Viêm phúc mạc bào thai và sơ sinh	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
2	PT Thoát vị hoành	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
3	PT Hẹp phì đại môn vị	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
4	PT To đại tràng bẩm sinh	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
5	PT Dị tật hậu môn trực tràng	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
6	PT Tắc ruột sơ sinh	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
7	PT Lồng ruột ở nhũ nhi	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
8	PT Tắc tá tràng	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
9	PT Viêm ruột thừa ở trẻ em	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
10	PT Dị tật bẹn bìu	9	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2, 3,4,5
	Tổng số	90		

V. Tài liệu học tập

Trường Đại Y Thái Bình (2021), *Bài giảng Ngoại khoa sau đại học*.

VI. Tài liệu tham khảo:

1. Trường ĐHY - Hà Nội (1993), *Bệnh học ngoại*: Tập II, III - NXB Y học.
2. Đặng Phương Kiệt, (1997) *Hồi sức cấp cứu và gây mê trẻ em*; NXBY học Hà Nội.
- 3 Lê Thế Trung: *Bệnh học ngoại khoa Sau đại học*: Tập I - II - HVQY - 1993.
4. *Ngoại bệnh học - Sách bổ túc sau Đại Học* - Trường Đại học y - Hà Nội - 1983.
5. *Bệnh học ngoại khoa* - Trường Đại học - Hà Nội - NXBYK 1993.
6. *Ngoại khoa cơ sở GMHS* - Trường ĐHY Hà Nội - NXBYH và TDDT.
7. Nguyễn Dương Quang: *Phẫu thuật lồng ngực* - NXBYH 1984.
8. *Bệnh học ngoại*: NXBYH - Hà Nội 1987.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện
- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường
- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại bệnh viện Trường và BV Đa khoa tỉnh.

2. Phương pháp học tập

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học lý thuyết tại trường do Nhà trường quy định).

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Bồng**

Mã học phần: THSNGO-2902

Số tín chỉ: 04 (1/3) = 15 tiết lý thuyết và 90 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Chấn thương

Thông tin giảng viên: PGS.TS. Vũ Minh Hải; ĐT: 0933018018

Email:

Danh sách giảng viên:

1. PGS.TS. Vũ Minh Hải
2. TS. Nguyễn Thế Điệp
3. TS. Nguyễn Văn Ngẫu
4. BSCKII. Nguyễn Văn Dũng

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Bồng là một cấp cứu thường gặp và có xu hướng ngày một gia tăng đặc biệt là các thảm họa gây bồng hàng loạt. Bệnh học bồng là môn học trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản để chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhân bồng nhằm nâng cao tỷ lệ cứu sống bệnh nhân, hạn chế biến chứng và di chứng ảnh hưởng đến thẩm mỹ và vận động.

2. Thực hành

Bồng là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý về cấp cứu Bồng để người học có khả năng thực hành được những chẩn đoán, cấp cứu và điều trị bệnh lý và xử trí những trường hợp cấp cứu Bồng

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Kiến thức: Nắm được những nguyên tắc cơ bản trong cấp cứu Bỏng. Vận dụng xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng. Thực hiện được một số phẫu thuật trong cấp cứu Bỏng	PEO 2
2	Kỹ năng: Thực hiện được một số thủ thuật, phẫu thuật trong cấp cứu Bỏng	PEO 2, PEO 8
3	Thái độ: Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác, trung thực trong việc học lý thuyết và các thao tác thực hành tại phòng khám, phòng mổ trong lúc khám và điều trị bệnh nhân tại bệnh viện. Đưa ra các quyết định về điều trị, chăm sóc và thực hiện những can thiệp y tế cho người bệnh một cách an toàn và hiệu quả.	PEO 2, PEO 8

2. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ BSNT ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT			
		PLO 2	PLO 7	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2902	Ngoại bỏng	M	M	M	M

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	4	- Cơ chế bệnh sinh - Triệu chứng sốc bỏng - Điều trị: Nguyên tắc và nội dung	
2	Chẩn đoán và điều trị nhiễm độc, nhiễm trùng, suy mòn bỏng	2	- Nhiễm độc bỏng: Cơ chế, chẩn đoán và điều trị - Nhiễm trùng bỏng: Cơ chế, chẩn đoán và điều trị - Suy mòn bỏng: Cơ chế, chẩn đoán và điều trị	
3	Bỏng trẻ em	3	- Đại cương - Đặc điểm giải phẫu và sinh lý trẻ em - Đặc điểm diễn biến Bỏng trẻ em - Điều trị Bỏng trẻ em	
4	Chẩn đoán và điều trị tại chỗ vết thương Bỏng	2	- Diễn biến tại chỗ vết thương Bỏng - Chẩn đoán và điều trị Bỏng nặng - Chẩn đoán và điều trị Bỏng sâu	
5	Một số phẫu thuật điều trị Bỏng	4	- Rạch hoại tử bỏng: Chỉ định và kỹ thuật - Cắt bỏ hoại tử bỏng: Chỉ định và kỹ thuật - Các phương pháp ghép da: Chỉ định và kỹ thuật	
	Tổng	15		

3. Thực hành

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Chẩn đoán và điều trị sốc	22	- Phân loại - Chỉ định điều trị	

	bỏng		- Phương pháp điều trị	
2	Chẩn đoán và điều trị nhiễm độc, nhiễm trùng, suy mòn bỏng	14	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp điều trị	
3	Bỏng trẻ em	18	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp điều trị	
4	Chẩn đoán và điều trị tại chỗ vết thương Bỏng	14	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
5	Một số phẫu thuật điều trị Bỏng	22	- Phân loại - Chỉ định điều trị - Phương pháp phẫu thuật	
	Tổng	90		

V. Tài liệu học tập

- Bộ môn Chấn thương Trường Đại học Y Thái Bình (1998). Bài giảng chấn thương chỉnh hình. Nhà xuất bản Y học
- Bộ môn bỏng Học viện Quân Y (2006), *Giáo trình Bỏng*, Nhà xuất bản Y học

VI. Tài liệu tham khảo:

1. *Bách khoa thư bệnh học* (2002), Nhà xuất bản Y học, tập 2.
2. Lê Thế Trung (2003), *Bỏng - Những kiến thức chuyên ngành*, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện bỏng Quốc gia (2006), *Sơ cứu, cấp cứu và điều trị bỏng*, NXB Y học

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Học viên tham gia nghe giảng;
- Học viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan;
- Học viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; ...

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá dựa vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

- Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)

Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.

- Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết

- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.

- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh

- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
 - Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
 - Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
 - Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.
- Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
(Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngoại khoa)

I. Thông tin học phần:

Tên học phần: **Ngoại Tim mạch – Lồng ngực**

Mã học phần: THSNGO-2903

Số tín chỉ: 04 (1/3) = 15 tiết lý thuyết và 90 tiết thực hành

Đối tượng học: Trình độ Thạc sĩ, ngành Ngoại khoa

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: không

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngoại

Thông tin giảng viên: TS. Phan Văn Cương; ĐT: 0983315145

Email: cuongpv@tbump.edu.vn

Danh sách giảng viên:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. TS. Phan Văn Cương | 5. BSKKII. Nguyễn Đình Hùng |
| 2. TS. Phan Thanh Lương | 6. BSKKII. Hoàng Minh Nhữ |
| 3. TS. Trần Thái Phúc | 7. BSKKII. Trịnh Thành Vinh |
| 4. BSKKII. Lại Ngọc Thắng | 8. BSKKII. Nguyễn Văn Chiêu |

II. Mô tả học phần

1. Lý thuyết

Phẫu thuật Tim mạch - lồng ngực là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý tim mạch lồng ngực

2. Thực hành

Người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật can thiệp chẩn đoán và điều trị bệnh lý tim mạch

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học

1. Mục tiêu của môn học

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được nguyên tắc kỹ thuật và điều trị một số bệnh lý về ngoại Tim mạch- lồng ngực.	PLO1,3,5, 15
2	Trình bày những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý ngoại Tim mạch- lồng ngực.	PLO1,3,4,5, 15
3	Thực hiện được một số phẫu thuật về ngoại Tim mạch- lồng ngực.	PEO 2, PEO 8

2. Chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		Đáp ứng PLOs Thạc sĩ Ngoại
Kiến thức		
CLO1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý Ngoại Tim mạch- lồng ngực.	PLO6,7,8,14, 15
CLO2	Vận dụng những kiến thức cập nhật trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh	PLO1,3,4,5, 15
Kỹ năng		
CLO3	Thực hiện được một số phẫu thuật Ngoại Tim mạch- lồng ngực.	PLO6,7,8,14, 15
CLO4	Báo cáo ca bệnh, hướng dẫn thực hành cho các lớp sinh viên đào tạo bậc đại học, tham gia đào tạo liên tục cho tuyến dưới	PLO9,10,11,12,13,14, 15
Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Thái độ xử trí cấp cứu những tình huống hay gặp trên lâm sàng theo các tuyến, theo dõi, đánh giá quá trình chăm sóc người bệnh, cải thiện chất lượng điều trị	PLO6,7,9,10,13,14, 15

Ghi chú: PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngoại khoa theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT trình độ THẠC SĨ ngành Ngoại khoa)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
THSNGO-2903	Ngoại Tim mạch – Lồng ngực		M	H	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	M	H

IV. Nội dung môn học

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Chấn thương lồng ngực	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
2	Vết thương tim	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
3	Vết thương mạch máu ở vùng cổ và nền cổ	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
4	Phồng động mạch chủ bong	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
5	Thông động - tĩnh mạch.	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
6	U trung thất, u phổi	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
7	Đại cương u vùng cổ	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1

8	Bệnh ngoại khoa tuyến giáp	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
9	Nội soi lồng ngực	1	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
10	Các phương pháp thăm dò tim mạch	2	Cập nhật những tiến bộ trong chẩn đoán và điều trị	CLO1
	Tổng	15		

2. Thực hành

ST T	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Chấn thương lồng ngực	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
2	Vết thương tim	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
3	Vết thương mạch máu ở vùng cổ và nền cổ	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
4	Phồng động mạch chủ bong	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
5	Thông động - tĩnh mạch.	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
6	U trung thất, u phổi	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
7	Đại cương u vùng cổ	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
8	Bệnh ngoại khoa tuyến giáp	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
9	Nội soi lồng ngực	10	Khám, chẩn đoán, tham gia phẫu thuật, theo dõi, điều trị sau mổ.	CLO2 ,3,4,5
	TỔNG	90		

V. Tài liệu học tập

Trường Đại Y Thái Bình (2021), *Bài giảng Ngoại khoa sau đại học*.

VI. Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội, *Bệnh học ngoại khoa* (1993), NXB Y học Hà Nội, tập 3.
- Trường Đại học Y Hà Nội (1993) *Ngoại khoa* (sách bổ túc sau Đại học).
- Học viện Quân Y (1993), *Bài giảng bệnh học Ngoại khoa sau Đại học*.
- Trường Đại học Y Hà Nội (19980, *Phẫu thuật lồng ngực*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

VII. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Coi trọng và phát huy cao độ tính tự học của học viên.

- Lý thuyết: theo phương pháp giảng dạy tích cực tại giảng đường, thư viện
- Thực hành tiền lâm sàng tại Trung tâm đào tạo kỹ năng y khoa của trường
- Thực hành lâm sàng có hướng dẫn tại bệnh viện Trường và BV Đa khoa tỉnh.

2. Phương pháp học tập

2.1. Thực hành tiền lâm sàng: Học viên cần thành thạo các kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng thủ thuật trên mô hình tại Trung tâm đào tạo kỹ năng trước khi tiến hành trên người bệnh.

2.2. Thực hành lâm sàng: Trong thời gian học môn hỗ trợ và môn chuyên ngành, học viên phải thường trú tại bệnh viện để học tập, làm việc thường xuyên (trừ những buổi học lý thuyết tại trường do Nhà trường quy định).

VIII. Phương pháp đánh giá học phần

8.1. Lượng giá lý thuyết

Đánh giá học viên gồm 3 phần

1. Chuyên cần (Tham dự các buổi học): 10%
2. Kết quả kiểm tra giữa học phần : 20%
3. Kết quả thi cuối học phần: 70%

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1*CC + 0,2*GHP + 0,7*CHP$$

- Điểm chuyên cần (CC):

Được đánh giá vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)
 - Điểm kiểm tra giữa học phần (GHP)
Được đánh giá bằng điểm làm bài tập/thảo luận nhóm/chủ đề được giao trong học phần này và được đánh giá bằng bảng kiểm theo biểu mẫu.
 - Điểm cuối học phần (CHP): Thi viết
- Ngân hàng câu hỏi thi gồm 50 câu hỏi bao phủ toàn bộ nội dung học tập.
- Mỗi câu hỏi làm trong 30 phút.
- Trước ngày thi sẽ bốc câu hỏi để làm 3 đề, mỗi đề 4 câu, làm trong thời gian 120 phút, niêm phong.
- Trước giờ thi sẽ bốc 1 trong 3 đề cho học viên làm bài trước sự chứng kiến của toàn bộ các thành viên trong lớp, 2 cán bộ coi thi và phòng Sau đại học.

8.2. Lượng giá thực hành

- Cuối học phần: Bộ môn lựa chọn ca bệnh, làm thăm bốc. Các bệnh nhân được chọn phải đang nằm nội trú, buổi sáng học viên làm bệnh án bệnh nhân có mặt tại bệnh phòng. Tên bệnh nhân, khoa, số phòng phải được ghi trước vào các lá thăm.
- Học viên bốc thăm ngẫu nhiên chọn 01 ca bệnh
- Buổi sáng tiến hành thăm khám và làm bệnh án theo mẫu
- Buổi chiều HV trình bày bệnh án và trả lời các câu hỏi của 02 cán bộ hỏi thi
- Thời gian trình bày bệnh án và trả lời câu hỏi trong khoảng 20-30 phút
- Điểm chấm bệnh án 5 điểm, điểm trả lời 3-5 câu hỏi 5 điểm, cộng lại lấy thành một điểm Lâm sàng.

Điểm thi được tính là đạt khi điểm lý thuyết đạt từ 5 trở lên (thang điểm 10).

Bộ môn Ngoại
Trưởng Bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)

P. QLĐT Sau đại học
Trưởng phòng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

TS. Phan Văn Cường

TS. Lê Đức Cường

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường